

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024

I. Thông tin chung

1. Tên đơn vị đào tạo

Tên trường/khoa: Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Sứ mệnh: Đào tạo và nghiên cứu khoa học theo chuẩn quốc tế dựa trên nền tảng khoa học cơ bản, khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ, góp phần cung cấp nguồn nhân lực và các sản phẩm khoa học - công nghệ chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước.

Trường Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU-International School) tự hào là đơn vị đi đầu và tiên phong trong đào tạo đại học và sau đại học toàn bộ bằng tiếng Anh. Đến nay, Trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) đã hợp tác với gần 40 trường đại học quốc tế. Gần 100% đội ngũ giảng viên Việt Nam của Trường Quốc tế được đào tạo và tốt nghiệp tại các trường đại học nước ngoài uy tín. Ngoài ra, đội ngũ giảng viên nước ngoài đến từ các trường đối tác và các học giả quốc tế tham gia giảng dạy lên đến 20-25% thời lượng chương trình đào tạo. Trường Quốc tế cung cấp hệ thống học bổng đa dạng như tuyển thẳng, học bổng phát triển tài năng, học bổng cho sinh viên có thành tích học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động xã hội đặc biệt xuất sắc, học bổng ngắn hạn khuyến khích học tập, học bổng quốc tế từ trường đối tác. Trong đó có học bổng giá trị cao nhất lên đến 450 triệu đồng/ suất (miễn giảm 100% học phí toàn khóa học). Năm học 2022-2023, Trường Quốc tế đã cấp gần 1.000 suất học bổng các loại, tổng giá trị học bổng lên đến 13 tỷ đồng.

2. Mã trường: QHQ

3. Địa chỉ các trụ sở

- Cơ sở 1: Nhà G7, nhà E5, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

- Cơ sở 2: Nhà C, nhà E, Làng Sinh viên HACINCO, 79 Ngụy Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội.

- Cơ sở 3: Số 1, Phố Trịnh Văn Bô, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

- Cơ sở 4: Tòa nhà HT1, Khu Đô thị đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc, Hà Nội.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường Quốc tế:
<http://www.is.vnu.edu.vn>

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của Trường Quốc tế (có thông tin tuyển sinh):

- Fanpage Trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội:
<https://www.facebook.com/truongquocte.vnuis>

- Zalo: <https://zalo.me/1036187972385039055>

- Youtube: <https://youtube.com/c/VNUISChannel>
- Instagram: https://www.instagram.com/vnu_is/
- LinkedIn: <https://www.linkedin.com/school/483021>
- TikTok: <https://www.tiktok.com/@vnuis>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 1900 2609/ 0983 372 988/ 0379 884 488/ 0989 106 633/ 086 605 3336/ 086 675 3338.

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của Trường Quốc tế: <https://www.is.vnu.edu.vn/bao-cao-khao-sat-ve-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep-nam-2023/>

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

STT	Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
I	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý					
1.	Kinh doanh quốc tế	Đại học	260	286	209	94,7
2.	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	Đại học	170	175	121	92,9
3.	Hệ thống thông tin quản lý	Đại học	70	83	40	92,1
II	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin					
4.	Tin học và Kỹ thuật máy tính	Đại học	50	61	15	69,2
	Tổng		550	605	385	92,9

Bảng 1: Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của Trường Quốc tế:

- Năm 2022: <https://www.is.vnu.edu.vn/truong-quoc-te-cong-bo-de-an-tuyen-sinh-2022/>

- Năm 2023: <https://www.is.vnu.edu.vn/truong-quoc-te-dhqghn-cong-bo-de-an-tuyen-sinh-nam-2023/>

8.1. Phương thức tuyển sinh năm 2022 và năm 2023

Trường xét tuyển theo các phương thức sau:

- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và ĐHQGHN;

- Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT;

- Xét tuyển theo kết quả bài thi Đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức;

- Xét tuyển theo kết quả bài thi Đánh giá năng lực do ĐHQG HCM tổ chức;

- Xét tuyển theo điểm thi đánh giá tư duy của trường Đại học Bách Khoa Hà Nội (năm 2022);

- Xét tuyển bằng các phương thức khác theo đề án tuyển sinh của Trường (chứng chỉ A-Level, SAT, ACT, xét tuyển kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL iBT với điểm thi tốt nghiệp THPT, kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN hoặc kết quả học tập bậc THPT, xét tuyển theo bằng tú tài quốc tế IB).

8.2. Điểm trúng tuyển năm 2022 và năm 2023

Ngành		Năm 2022						Năm 2023							
Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm
			trúng tuyển theo điểm thi THPT	trúng tuyển theo kết quả thi ĐGNL	trúng tuyển CCTA kết hợp học bạ	trúng tuyển CCTA kết hợp điểm thi THPT			trúng tuyển theo điểm thi THPT	trúng tuyển theo kết quả thi ĐGNL	trúng tuyển CCTA kết quả thi ĐGNL	trúng tuyển CCTA kết hợp học bạ			
1	Kinh doanh quốc tế	220	186	24	85	24,8	23	260	254	24,35	80	19,30	25	23	1150
	A00, A01, D01, D03, D06, D96, D97, DD0														
2	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	150	143	22,5	85	24,8	22,5	180	194	22,9	80	19,30	24,7	23	1150
	A00, A01, D01, D03, D06, D96, D97, DD0														
3	Hệ thống thông tin quản lý	100	99	22,5	85	24,8	22,5	100	116	22,6	80	19,30	24,7	22,5	1150

Ngành		Năm 2022						Năm 2023							
Tổ hợp xét tuyển		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển theo điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo kết quả thi ĐGNL	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp học bạ	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp điểm thi THPT	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển theo điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo kết quả thi ĐGNL	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp học bạ	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo kết quả kỳ thi SAT	
	A00, A01, D01, D03, D06, D96, D97, DD0														
4	Tin học và kỹ thuật máy tính	90	98	22,5	85	24,8	22,5	100	80	21	80	19,30	24,7	23	1150
	A00, A01, D01, D03, D06, D07, D23, D24														
5	Phân tích dữ liệu kinh doanh	110	111	23,5	85	24,8	22,5	110	119	23,6	80	19,30	24,7	23	1150
	A00, A01, D01, D03, D06, D07, D23, D24														
6	Marketing (song bằng VNU-HELP)	70	97	23	85	24,8	22,5	100	86	22,75	80	19,30	24,7	22,5	1150

Ngành		Năm 2022						Năm 2023							
Tổ hợp xét tuyển		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển theo điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo kết quả thi ĐGNL	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp học bạ	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp điểm thi THPT	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển theo điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo kết quả thi ĐGNL	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp học bạ	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo kết quả kỳ thi SAT	
	A00, A01, D01, D03, D06, D96, D97, DD0														
7	Quản lý (song bằng VNU-Keuka)	60	34	21,5	85	24,8	22,5	60	27	21	80	19,30	24,7	23	1150
	A00, A01, D01, D03, D06, D96, D97, DD0														
8	Kỹ sư Tự động hóa và Tin học	100	83	22	85	24,8	22,5	100	51	21	80	19,30	24,7	23	1150
	A00, A01, D01, D03, D06, D07, D23, D24														
9	Ngôn ngữ Anh	100	99	24	85	24,8	22,5	100	111	23,85	80	19,30	24,7	22,5	1150

Ngành		Năm 2022						Năm 2023							
		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển theo điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo kết quả thi ĐGNL	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp học bạ	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp điểm thi THPT	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển theo điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo kết quả thi ĐGNL	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp học bạ	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo kết quả kỳ thi SAT	
	A01, D01, D78, D90														
10	Công nghệ thông tin ứng dụng	180	74	20	85	24,8	22,5	110	103	21,85	80	19,30	24,7	23	1150
	A00, A01, D01, D03, D06, D07, D23, D24														
11	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	150	115	20	85	24,8	22,5	110	113	22,25	80	19,30	24,7	23	1150
	A00, A01, D01, D03, D06, D07, D23, D24														

Ngành		Năm 2022						Năm 2023							
Tổ hợp xét tuyển		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển theo điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo kết quả thi ĐGNL	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp học bạ	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp điểm thi THPT	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển theo điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo kết quả thi ĐGNL	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp học bạ	Điểm trúng tuyển CCTA kết hợp điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo kết quả kỳ thi SAT	
12	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	70	50	20	85	24,8	22,5	70	74	22	80	19,30	24,7	23	1150
	A00, A01, D01, D03, D06, D07, D23, D24														

Bảng 2: Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của Trường Quốc tế: <https://www.is.vnu.edu.vn/dao-tao>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Kinh doanh quốc tế	7340120	146/QĐ-ĐT	14/1/2010	ĐHQGHN	2011	2023
2	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	7340303	3885/QĐ-ĐHQGHN	16/11/2012	ĐHQGHN	2014	2023
3	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	2142/QĐ-ĐHQGHN	26/6/2014	ĐHQGHN	2015	2023
4	Tin học và kỹ thuật máy tính	7480111	1066/QĐ-ĐHQGHN	30/3/2017	ĐHQGHN	2017	2023
5	Phân tích dữ liệu kinh doanh	7340125	941/QĐ-ĐHQGHN	03/4/2019	ĐHQGHN	2019	2023
6	Marketing (song bằng VNU-HELP)	7340115	3854/QĐ-ĐHQGHN	29/11/2019	ĐHQGHN	2020	2023
7	Quản lý (song bằng VNU-Keuka)	7340108	3853/QĐ-ĐHQGHN	29/11/2019	ĐHQGHN	2020	2023
8	Kỹ sư Tự động hóa và Tin học	7510306	1186/QĐ-ĐHQGHN	27/4/2021	ĐHQGHN	2021	2023
9	Ngôn ngữ Anh (chuyên sâu Kinh doanh – Công nghệ thông tin)	7220201	1185/QĐ-ĐHQGHN	27/4/2021	ĐHQGHN	2021	2023

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
10	Công nghệ thông tin ứng dụng	7480210	1308/QĐ-ĐHQGHN	21/4/2022	ĐHQGHN	2022	2023
11	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	7480209	1318/QĐ-ĐHQGHN	21/4/2022	ĐHQGHN	2022	2023
12	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	7520139	1314/QĐ-ĐHQGHN	21/4/2022	ĐHQGHN	2022	2023

Bảng 3: Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo của Trường Quốc tế

10. Điều kiện đảm bảo chất lượng (Phụ lục 1)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://www.is.vnu.edu.vn/gioithieu/ba-cong-khai>

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường Quốc tế: <https://www.is.vnu.edu.vn>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của Trường Quốc tế trên trang thông tin điện tử: <https://www.is.vnu.edu.vn/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-tai-dai-hoc-quoc-gia-ha-noi>

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường

(Trường không tổ chức thi)

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi trên trang thông tin điện tử của Trường

(Trường không tổ chức thi)

II. Tuyển sinh đại học chính quy

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh chung

Theo quy định chung của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN, bao gồm:

- Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Phạm vi tuyển sinh

Trường Quốc tế thực hiện tuyển sinh các thí sinh trên phạm vi cả nước và tuyển sinh thí sinh quốc tế theo quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN.

3. Phương thức tuyển sinh

Thực hiện tuyển sinh theo phương thức xét tuyển, cụ thể như sau:

- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của ĐHQGHN;

- Xét tuyển theo kết quả kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) năm 2024;

- Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực (ĐGNL) do ĐHQGHN tổ chức;

- Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp một trong ba kết quả sau:

(1) Kết quả học tập bậc THPT;

(2) Kết quả kỳ thi ĐGNL của ĐHQGHN;

(3) Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024;

- Xét tuyển các phương thức khác:

+ Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM;

+ Xét tuyển các chứng chỉ quốc tế, kết quả các kì thi chuẩn hóa, bao gồm: (1) Chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Anh (A-Level); (2) Kết quả kì thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ);

+ Xét tuyển thí sinh quốc tế đáp ứng các yêu cầu theo quy định của ĐHQGHN và Bộ GD&ĐT.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹ 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4			
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		
1.	Đại học	QHQ01	Kinh doanh quốc tế	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	178	A00		A01	Tiếng Anh	D01 D03 D06	Ngoại ngữ	D96 D97 DD0	Ngoại ngữ		
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	05										
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	58										
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	15										
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT	14										
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	15										

¹ Tổ hợp xét tuyển được hiểu là: tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
2.	Đại học	QHQ02	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	411	Xét tuyển thí sinh quốc tế	05								
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, A-Level									
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM									
				100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	137	A00		A01	Tiếng Anh	D01 D03 D06	Ngoại ngữ	D96 D97 DD0	Ngoại ngữ
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	03								
401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	44												
409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	11												
410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT	11												

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	11									
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế	03									
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, A-Level										
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM										
3.	Đại học	QH03	Hệ thống thông tin quản lý	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	80	A00		A01	Tiếng Anh	D01 D03 D06	Ngoại ngữ	D96 D97 DD0	Ngoại ngữ	
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	02									
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	26									
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	07									

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT	06								
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	07								
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế	02								
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, A-Level									
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM									
4.	Đại học	QH04	Tin học và Kỹ thuật máy tính	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	64	A00	Toán	A01	Toán	D01 D03 D06	Toán	D07 D23 D24	Toán
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	02								
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	20								

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	04								
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT	04								
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	04								
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế	02								
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, A-Level									
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM									
5.	Đại học	QHQ05	Phân tích dữ liệu kinh doanh	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	67	A00	Toán	A01	Toán	D01 D03 D06	Toán	D07 D23 D24	Toán
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	02								

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	22								
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	06								
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT	05								
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	06								
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế									
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, A-Level	02								
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM									
6.	Đại học	QH06	Marketing	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	61	A00		A01	Tiếng Anh	D01 D03 D06	Ngoại ngữ	D96 D97 DD0	Ngoại ngữ
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy	02								

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
					chê của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN									
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	20								
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	05								
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT	05								
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	05								
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế	02								
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, A-Level									
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM									
7.	Đại học	QH07	Quản lý	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	37	A00		A01	Tiếng Anh	D01 D03	Ngoại ngữ	D96 D97	Ngoại ngữ

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
											D06		DD0	
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	01								
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	12								
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	03								
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT	03								
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	03								
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế	01								
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, A-Level									

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM									
8.	Đại học	QH08	Tự động hóa và Tin học	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	64	A00	Toán	A01	Toán	D01 D03 D06	Toán	D07 D23 D24	Toán
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	02								
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	20								
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	04								
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT	04								
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	04								

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế	02									
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, A-Level										
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM										
9.	Đại học	QHQ09	Ngôn ngữ Anh	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	61	A01	Tiếng Anh	D01	Tiếng Anh	D78	Tiếng Anh	D90	Tiếng Anh	
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	02									
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	20									
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	05									
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT	05									
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết	05									

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
					hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN										
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế	02									
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, A-Level										
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM										
10.	Đại học	QHQ10	Công nghệ thông tin ứng dụng	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	69	A00	Toán	A01	Toán	D01 D03 D06	Toán	D07 D23 D24	Toán	
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	02									
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	22									
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	05									
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết	05									

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
					hợp kết quả học tập bậc THPT										
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	05									
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế	02									
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, A-Level										
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM										
11.	Đại học	QHQ11	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	69	A00	Toán	A01	Toán	D01 D03 D06	Toán	D07 D23 D24	Toán	
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	02									
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	22									
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết	05									

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
					hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024									
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT	05								
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	05								
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế	02								
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, A-Level									
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM									
12.	Đại học	QHQ12	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	100	Xét tuyển theo điểm thi THPT	42	A00	Toán	A01	Toán	D01 D03 D06	Toán	D07 D23 D24	Toán
				301, 303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD-ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN	02								

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
				401	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	14								
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	04								
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT	02								
				500	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN	04								
				411	Xét tuyển thí sinh quốc tế	02								
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, A-Level									
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM									

Bảng 4: Chỉ tiêu tuyển sinh

Lưu ý:

- Trường hợp thí sinh xét tuyển theo từng phương thức nhập học ít hơn chỉ tiêu được duyệt, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển cho các phương thức còn chỉ tiêu khác.

- Các ngành có mã xét tuyển QHQ04, QHQ08, QHQ10, QHQ11, QHQ12 học một phần thời gian (dự kiến 2 năm đầu) ở Khu đô thị đại học của ĐHQGHN tại Hòa Lạc – Hà Nội.

Mã tổ hợp xét tuyển vào Trường Quốc tế, ĐHQGHN, năm 2024			
A00: Toán, Vật lí, Hoá học	D06: Toán, Văn, Tiếng Nhật	D78: Văn, Khoa học Xã hội, Tiếng Anh	DD0: Toán, Khoa học Xã hội, Tiếng Nhật
A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh	D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh	D90: Toán, Khoa học Tự nhiên, Tiếng Anh	
D01: Toán, Văn, Tiếng Anh	D23: Toán, Hóa học, Tiếng Nhật	D96: Toán, Khoa học Xã hội, Tiếng Anh	
D03: Toán, Văn, Tiếng Pháp	D24: Toán, Hóa học, Tiếng Pháp	D97: Toán, Khoa học Xã hội, Tiếng Pháp	

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

5.1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của ĐHQGHN

*** Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển cụ thể như sau:**

5.1.1. Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (quy định tại khoản 2, Điều 8 của Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học)

Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 (hoặc tương đương) được xét tuyển thẳng theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài đạt giải khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

(1) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba (thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng) trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế (môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của Nhà trường);

(2) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba (thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng) trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia (có nội dung môn thi, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực phù hợp với ngành đào tạo).

5.1.2. Ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (quy định tại khoản 5, Điều 8 của Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học)

Thí sinh tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành theo quy định của Nhà trường (công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024) được ưu tiên xét tuyển vào các ngành phù hợp với môn thi hoặc đề tài đạt giải khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

(1) Thí sinh đạt giải khuyến khích (thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển) trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia (môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của Nhà trường);

(2) Thí sinh đạt giải tư (thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển) trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức (có nội dung môn thi, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực phù hợp với ngành đào tạo);

(3) Thí sinh thuộc đối tượng quy định tại mục 5.1.1 dự tuyển vào các ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng).

5.1.3. Xét tuyển thẳng theo Quy định của ĐHQGHN (quy định tại Quyết định số 4412/QĐ-ĐHQGHN ngày 31/12/2021 về việc ban hành Quy định cơ chế đặc thù trong tuyển sinh và đào tạo liên thông bậc THPT và bậc đại học tại ĐHQGHN)

Đối tượng 1: Học sinh THPT tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế; trong đội tuyển quốc gia dự cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế; đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; đoạt giải nhất, nhì, ba trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào Trường Quốc tế theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải.

Đối tượng 2: Học sinh THPT trên toàn quốc được **xem xét tuyển thẳng** vào Trường Quốc tế theo ngành phù hợp với môn thi nếu tốt nghiệp THPT, có lực học Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong 3 năm học THPT và đáp ứng các tiêu chí sau:

- a) Đạt giải chính thức trong các kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;
- b) Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương có môn đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển hoặc môn đạt giải phù hợp với ngành đào tạo và điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8,5 trở lên.

Đối tượng 3: Học sinh THPT hệ chuyên thuộc ĐHQGHN và hệ chuyên của các trường THPT chuyên cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được xét tuyển thẳng vào Trường Quốc tế theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải nếu tốt nghiệp THPT, có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại Tốt và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- a) Đạt giải chính thức trong các kỳ thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế;
- b) Đạt giải chính thức trong các kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;
- c) Đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN.

5.1.4. Ưu tiên xét tuyển theo Quy định của ĐHQGHN (quy định tại Quyết định số 4412/QĐ-ĐHQGHN ngày 31/12/2021 về việc ban hành Quy định cơ chế đặc thù trong tuyển sinh và đào tạo liên thông bậc THPT và bậc đại học tại ĐHQGHN)

Thí sinh là học sinh các trường THPT trên toàn quốc đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), có học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong 3 năm học THPT, có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành theo quy định của Nhà trường (công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024) được ưu tiên xét tuyển khi thuộc một trong những đối tượng sau:

- Đối tượng 1:** Học sinh THPT trên toàn quốc đáp ứng một trong các tiêu chí sau:
- a) Đạt giải chính thức trong các kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;
 - b) Là thành viên tham gia cuộc thi tháng của chương trình “Đường lên đỉnh Olympia” do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức hàng năm và có điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8,5 trở lên;
 - c) Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương có môn đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển hoặc môn đạt giải phù hợp với ngành đào tạo và điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8,5 trở lên.

- **Đối tượng 2:** Học sinh hệ không chuyên của các trường THPT thuộc ĐHQGHN đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- a) Đạt giải chính thức trong các kỳ thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế;
- b) Đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN;
- c) Có kết quả thi Đánh giá năng lực bậc THPT do ĐHQGHN tổ chức đạt tối thiểu 90 điểm (thang điểm 150).

*** Lưu ý áp dụng với mục 5.1:**

- Ngoài các tiêu chí quy định cho từng đối tượng xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển nêu trên, thí sinh cần có kết quả môn tiếng Anh của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 đạt tối thiểu 6,0 điểm theo thang điểm 10 hoặc có kết quả học tập từng kỳ (6 học kỳ) môn tiếng Anh bậc THPT đạt tối thiểu 7,0 điểm hoặc sử dụng các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành (xem Phụ lục 4);

- Kết quả bài thi đánh giá năng lực phải còn hạn sử dụng tính đến ngày ĐKXT (thời hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày dự thi);

- Thí sinh phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp;

- Đối với thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, quốc tế, cấp ĐHQGHN cần nộp Quyết định cử đi thi của cơ quan có đủ thẩm quyền và Giấy chứng nhận đạt giải;

- Đối với thí sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế hoặc quốc gia cần nộp thêm Nội dung đề tài đạt giải;

- Đối với thí sinh thuộc các đối tượng khác nộp minh chứng phù hợp: kết quả thi ĐGNL còn thời hạn của ĐHQGHN; Xác nhận tham gia các cuộc thi của đơn vị tổ chức hoặc các minh chứng khác (nếu có và khi được yêu cầu).

*** Nguyên tắc Xét tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển**

1. Xét tuyển theo thứ tự nguyện vọng ưu tiên của thí sinh;

2. Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên căn cứ trên cấp độ giải thưởng (quốc tế, khu vực, quốc gia, cấp tỉnh,..), kết quả học tập THPT hoặc kết quả thi ĐGNL hoặc các kết quả khác;

Lưu ý: Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định, hình thức xác nhận do Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) Trường Quốc tế quy định. Quá thời hạn quy định, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và HĐTS được xét tuyển thí sinh khác trong đợt xét tuyển bổ sung.

5.2. Xét tuyển theo kết quả kì thi tốt nghiệp THPT năm 2024

Thí sinh được đăng ký xét tuyển (ĐKXT) không giới hạn số nguyện vọng vào các ngành đào tạo tại Trường Quốc tế và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Mỗi thí sinh chỉ trúng tuyển vào một nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi của tổ hợp xét tuyển theo thang điểm 30 cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có), có áp dụng điều kiện phụ (Xem bảng 6).

+ Trường hợp tổ hợp xét tuyển có môn chính:

Điểm xét tuyển = (Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn chính x 2) / 4 * 3 + Điểm ưu tiên (khu vực hoặc/và đối tượng)

+ Trường hợp tổ hợp xét tuyển không có môn chính:

Điểm xét tuyển = Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn 3 + Điểm ưu tiên (khu vực hoặc/và đối tượng)

Điểm trúng tuyển vào ngành là duy nhất, áp dụng chung cho tất cả tổ hợp xét tuyển

Thí sinh được phép sử dụng điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS/TOEFL iBT) quy đổi theo thang điểm 10 để thay thế điểm thi tốt nghiệp THPT môn Tiếng Anh.

STT	Trình độ tiếng Anh		Quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo thang điểm 10
	IELTS	TOEFL iBT	
1	5,5	72-78	8,50
2	6,0	79-87	9,00
3	6,5	88-95	9,25
4	7,0	96-101	9,50
5	7,5	102-109	9,75
6	8,0-9,0	110-120	10,00

Bảng 5: Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế sang thang điểm 10

*** Lưu ý:**

- Khung điểm ưu tiên đối tượng và khu vực theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học), trong đó:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 – Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên theo quy định

5.3. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN

Thí sinh sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực học sinh THPT (ĐGNL) còn thời hạn do ĐHQGHN tổ chức đạt 80/150 điểm và có kết quả môn tiếng Anh của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 đạt tối thiểu 6,0 điểm theo thang điểm 10 hoặc có kết quả học tập từng kỳ (6 học kỳ) môn tiếng Anh bậc THPT đạt tối thiểu 7,0 điểm hoặc sử dụng các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành (xem Phụ lục 4).

5.4. Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT hoặc kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN hoặc kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024

(1) Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT

Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 72 trở lên, đồng thời có điểm trung bình chung kết quả học tập bậc THPT của hai (02) môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển (*trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc môn Ngữ Văn*) đạt từ 8,0 điểm trở lên, từng kỳ không có môn nào dưới 7,0 điểm và có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành đăng ký xét tuyển theo quy định của Nhà trường (công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024).

Điểm xét tuyển là tổng điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (quy đổi theo Bảng 5, mục 5.2) và điểm trung bình chung học tập 03 năm bậc THPT của hai (02) môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển.

2) Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN

Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 72 trở lên, đồng thời có kết quả kỳ thi ĐGNL còn thời hạn của ĐHQGHN đạt 80/150 điểm trở lên.

Điểm xét tuyển là tổng điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (quy đổi theo Bảng 5, mục 5.2) và điểm thi ĐGNL được quy đổi sang thang 20 điểm.

(3) Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024

Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 72 trở lên, đồng thời có tổng điểm 2 môn thi/bài thi còn lại trong tổ hợp xét tuyển (*trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc môn Ngữ Văn*) đạt từ 14 điểm trở lên trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024.

Điểm xét tuyển là tổng điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (quy đổi theo Bảng 5, mục 5.2) và điểm hai (02) môn thi/bài thi còn lại trong tổ hợp xét tuyển.

5.5. Xét tuyển các phương thức khác

5.5.1. Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM:

Thí sinh có kết quả thi ĐGNL còn thời hạn của ĐHQG-HCM đạt tối thiểu 750/1.200 điểm, và có kết quả môn tiếng Anh của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 đạt tối thiểu 6,0 điểm theo thang điểm 10 hoặc có kết quả học tập từng kỳ (6 học kỳ) môn tiếng Anh bậc THPT đạt tối thiểu 7,0 điểm hoặc sử dụng các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành (xem Phụ lục 4).

5.5.2. Xét tuyển theo chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Vương quốc Anh (A-Level): Thí sinh có kết quả 3 môn thi trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc Ngữ văn theo các tổ hợp quy định của ngành đào tạo tương ứng, đảm bảo mỗi môn đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương đương điểm C, PUM range ≥ 60).

5.5.3. Xét tuyển theo kết quả kì thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ): Thí sinh có kết quả SAT đạt từ 1100/1600 trở lên. Mã đăng ký của ĐHQGHN với Tổ chức thi SAT (The College Board) là 7853-Vietnam National University-Hanoi(Thí sinh phải khai báo mã đăng ký trên khi đăng ký thi SAT).

5.5.4. Xét tuyển thí sinh quốc tế

Thí sinh là người nước ngoài đáp ứng các yêu cầu theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Quy định của ĐHQHN, các tiêu chí cụ thể như sau:

- Tốt nghiệp chương trình THPT hoặc tương đương;
- Đạt yêu cầu về điều kiện tiếng Anh đầu vào theo quy định;
- Đạt điều kiện phỏng vấn của Trường Quốc tế;
- Có đủ sức khỏe để học tập, nghiên cứu được các cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận;
- Có đủ khả năng về tài chính đảm bảo học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam trong thời gian học tập tương ứng;
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, không vi phạm pháp luật của Việt Nam và nước sở tại.

5.5.5. Xét tuyển thí sinh là người Việt Nam đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương ở nước ngoài

Thí sinh là người Việt Nam đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương ở nước ngoài có kết quả học tập 3 môn học bậc THPT theo tổ hợp môn xét tuyển tương ứng của ngành đăng ký xét tuyển (trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc Ngữ văn) với mức điểm mỗi môn đạt tối thiểu 60/100 hoặc tương đương, đồng thời đạt điều kiện phỏng vấn của Trường Quốc tế để kiểm tra kiến thức chuyên môn và năng lực ngoại ngữ theo yêu cầu của ngành đăng ký xét tuyển. Thí sinh được phép sử dụng điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS/TOEFL iBT) quy đổi theo thang điểm 10 để thay thế điểm kết quả học tập bậc THPT môn Tiếng Anh (quy đổi theo Bảng 5, mục 5.2).

*** Lưu ý chung:**

a) Đối với các phương thức xét tuyển sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS hoặc TOEFL iBT:

- Điểm tối thiểu từng kỹ năng như sau: 5.0 điểm đối với chứng chỉ IELTS; 15 điểm đối với chứng chỉ TOEFL iBT;

- Phải còn hạn sử dụng tính đến ngày thí sinh đăng ký xét tuyển (thời hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày dự thi);

- Các chứng chỉ ngoại ngữ thi online không được công nhận;

- Chứng chỉ IELTS dạng General không được chấp nhận.

b) Đối với các phương thức xét tuyển sử dụng kết quả bài thi ĐGNL của ĐHQGHN và của ĐHQG HCM:

- Kết quả thi Đánh giá năng lực phải còn hạn sử dụng tính đến ngày thí sinh đăng ký xét tuyển (thời hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày dự thi).

c) Đối với phương thức xét tuyển chứng chỉ quốc tế A-Level:

Chứng chỉ phải còn hạn sử dụng tính đến ngày thí sinh đăng ký xét tuyển (thời hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày dự thi).

d) Đối với phương thức xét tuyển chứng chỉ SAT:

Chứng chỉ phải còn hạn sử dụng tính đến ngày thí sinh đăng ký xét tuyển (thời hạn sử dụng 01 năm kể từ ngày dự thi);

e) Thí sinh được đăng ký xét tuyển tối đa 02 nguyện vọng vào trường và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp;

*** Nguyên tắc xét tuyển các phương thức từ 5.2 đến 5.5**

- Xét tuyển theo thứ tự nguyện vọng ưu tiên của thí sinh;

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu của từng phương thức xét tuyển.

*** Điều kiện ngoại ngữ của các chương trình:**

- Sinh viên ngành Tin học và Kỹ thuật máy tính cần đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu B1 theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu (tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) để được công nhận là sinh viên chính thức.

- Sinh viên Chương trình cấp hai bằng cử nhân ngành Quản lý (ĐHQGHN và Trường Đại học Keuka, Hoa Kỳ) cần đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ B2 theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu để được công nhận là sinh viên chính thức.

- Sinh viên Chương trình cấp hai bằng cử nhân ngành Marketing (ĐHQGHN và Trường Đại học HELP, Malaysia) cần có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 hoặc tương đương để được công nhận là sinh viên chính thức.

- Sau khi trúng tuyển nhập học, để được đăng kí học các học phần thuộc khối kiến thức theo nhóm ngành và ngành, sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu B2 theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu (tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc IELTS 5.5 hoặc tương đương).

- Sinh viên các ngành: (1) Công nghệ thông tin ứng dụng, (2) Công nghệ tài chính và kinh doanh số, (3) Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics phải đạt trình độ B2 tương đương Bậc 4 trong khung năng lực 6 bậc của Việt Nam sau khi kết thúc năm thứ 2.

- Sinh viên ngành Tự động hóa và Tin học phải đạt trình độ B2 tương đương Bậc 4 trong khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam sau khi kết thúc năm thứ 3.

- Sinh viên chưa đạt trình độ tiếng Anh theo yêu cầu sẽ phải tham gia học Chương trình đào tạo Tiếng Anh dự bị của Trường Quốc tế (cùng với một số học phần thuộc khối kiến thức chung) trong năm học thứ nhất.

- Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh phải đạt trình độ tối thiểu C1 theo khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung Châu Âu (tương đương Bậc 5 theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam) mới được xét công nhận tốt nghiệp.

- Sinh viên Chương trình cấp hai bằng cử nhân ngành Quản lý (ĐHQGHN và Trường Đại học Keuka, Hoa Kỳ) phải có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 6.0; hoặc có chứng chỉ tiếng Anh đáp ứng chuẩn đầu ra tối thiểu bậc 4/6 theo quy định của ĐHQGHN và đồng thời đạt điểm môn ENG104 từ 6/9 điểm trở lên mới được xét công nhận tốt nghiệp.

- Sinh viên Chương trình cấp hai bằng cử nhân ngành Marketing (ĐHQGHN và Trường Đại học HELP, Malaysia) phải có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS hoặc tương đương đạt từ 5.5 trở lên mới được xét công nhận tốt nghiệp.

6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành của trường

- Mã số trường: **QHQ**

- Mã phương thức xét tuyển:

Stt	Tên phương thức xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển
1	Xét tuyển theo kết quả kì thi tốt nghiệp THPT năm 2024	100
2	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024	409
3	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT	410
4	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực (HSA) do ĐHQGHN tổ chức	500

Stt	Tên phương thức xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển
5	Xét tuyển theo chứng chỉ quốc tế và kết quả kì thi chuẩn hóa (A-Level, SAT)	408
6	Xét tuyển thí sinh quốc tế	411
7	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực (HSA) do ĐHQGHN tổ chức	401
8	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG HCM tổ chức	402
9	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD-ĐT	301
10	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQGHN.	303

Ghi chú: Sau khi nộp hồ sơ xét tuyển tại Trường Quốc tế, thí sinh bắt buộc tiếp tục đăng ký xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT.

- Mã xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Stt	Trình độ đào tạo	Mã xét tuyển	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo xét KQ thi THPT	Theo phương thức khác	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
Khối ngành III													
1	Đại học	QH01	Kinh doanh quốc tế	178	112	A00		A01	Tiếng Anh	D01, D03, D06	Ngoại ngữ	D96, D97, DD0	Ngoại ngữ
2	Đại học	QH02	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	137	83	A00		A01	Tiếng Anh	D01, D03, D06	Ngoại ngữ	D96, D97, DD0	Ngoại ngữ
3	Đại học	QH03	Hệ thống thông tin quản lý	80	50	A00		A01	Tiếng Anh	D01, D03, D06	Ngoại ngữ	D96, D97, DD0	Ngoại ngữ
4	Đại học	QH05	Phân tích dữ liệu kinh doanh	67	43	A00	Toán	A01	Toán	D01, D03, D06	Toán	D07, D23, D24	Toán
5	Đại học	QH06	Marketing (chương trình đào tạo cấp 2 bằng ĐH của ĐHQGHN và trường ĐH HELP - Malaysia)	61	39	A00		A01	Tiếng Anh	D01, D03, D06	Ngoại ngữ	D96, D97, DD0	Ngoại ngữ
6	Đại học	QH07	Quản lý (chương trình đào tạo cấp 2 bằng ĐH của ĐHQGHN và trường ĐH Keuka – Hoa Kỳ)	37	23	A00		A01	Tiếng Anh	D01, D03, D06	Ngoại ngữ	D96, D97, DD0	Ngoại ngữ

Stt	Trình độ đào tạo	Mã xét tuyển	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo xét KQ thi THPT	Theo phương thức khác	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
Khối ngành V													
7	Đại học	QH04	Tin học và Kỹ thuật máy tính	64	36	A00	Toán	A01	Toán	D01, D03, D06	Toán	D07, D23, D24	Toán
8	Đại học	QH08	Kỹ sư Tự động hóa và Tin học	64	36	A00	Toán	A01	Toán	D01, D03, D06	Toán	D07, D23, D24	Toán
9	Đại học	QH10	Công nghệ thông tin ứng dụng	69	41	A00	Toán	A01	Toán	D01, D03, D06	Toán	D07, D23, D24	Toán
10	Đại học	QH11	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	69	41	A00	Toán	A01	Toán	D01, D03, D06	Toán	D07, D23, D24	Toán
11	Đại học	QH12	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	42	28	A00	Toán	A01	Toán	D01, D03, D06	Toán	D07, D23, D24	Toán
Khối ngành VII													
12	Đại học	QH09	Ngôn ngữ Anh (chuyên sâu Kinh doanh - Công nghệ thông tin)	61	39	A01	Tiếng Anh	D01	Tiếng Anh	D78	Tiếng Anh	D90	Tiếng Anh
Điều kiện phụ: - Điểm môn chính nhân hệ số 2; - Đối với các ngành có mã QH01, QH02, QH03, QH04, QH05, QH06, QH07, QH09 thí sinh phải đạt điểm thi tốt nghiệp THPT (năm 2024) môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) tối thiểu 6 điểm (theo thang điểm 10), trừ đối tượng được miễn thi môn này;													

Stt	Trình độ đào tạo	Mã xét tuyển	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo xét KQ thi THPT	Theo phương thức khác	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
- Đối với các ngành có mã QHQ08, QHQ10, QHQ11, QHQ12, thí sinh phải đạt điểm thi tốt nghiệp THPT (năm 2024) môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) tối thiểu 5 điểm (theo thang điểm 10), trừ đối tượng được miễn thi môn này.													

Bảng 6: Thông tin cần thiết để thí sinh ĐKXT vào các ngành

Ghi chú:

- Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: Không

Mã tổ hợp xét tuyển vào Trường Quốc tế, ĐHQGHN, năm 2024			
A00: Toán, Vật lí, Hoá học	D06: Toán, Văn, Tiếng Nhật	D78: Văn, Khoa học Xã hội, Tiếng Anh	DD0: Toán, Khoa học Xã hội, Tiếng Nhật
A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh	D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh	D90: Toán, Khoa học Tự nhiên, Tiếng Anh	
D01: Toán, Văn, Tiếng Anh	D23: Toán, Hóa học, Tiếng Nhật	D96: Toán, Khoa học Xã hội, Tiếng Anh	
D03: Toán, Văn, Tiếng Pháp	D24: Toán, Hóa học, Tiếng Pháp	D97: Toán, Khoa học Xã hội, Tiếng Pháp	

7. Tổ chức tuyển sinh

7.1. Thời gian xét tuyển

7.1.1. Xét tuyển đợt 1

- Thời gian nộp hồ sơ với các phương thức: (1) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của ĐHQGHN; (2) Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN; (3) Xét tuyển kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT hoặc kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN; (4) Xét tuyển theo các phương thức khác: từ ngày 22/4/2024 đến 17h00 ngày 23/6/2024.

- Thời gian xét tuyển theo phương thức Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024: dự kiến từ ngày 17/7/2024 đến ngày 23/7/2024.

- Thời gian xét tuyển theo phương thức Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024: theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thời gian xét tuyển được cập nhật theo Hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và được thông báo trên website chính thức của Trường Quốc tế- ĐHQGHN: <https://www.is.vnu.edu.vn>

7.1.2. Xét tuyển đợt bổ sung (nếu còn chỉ tiêu)

Thời gian và quy định cụ thể xét tuyển của từng ngành học tương ứng sẽ được công bố trên website của ĐHQGHN và của Trường Quốc tế.

7.2. Hình thức đăng ký xét tuyển:

- Đối với các phương thức: (1) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của ĐHQGHN; (2) Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN; (3) Xét tuyển kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT hoặc kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN; (4) Xét tuyển các chứng chỉ quốc tế, kết quả các kỳ thi chuẩn hoá chung, bao gồm: A-Level, SAT: thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT (theo mẫu quy định của Trường Quốc tế - ĐHQGHN tại Phụ lục 2 Đề án này) và lệ phí xét tuyển theo hình thức trực tuyến/online tại địa chỉ: <https://ts.isvnu.vn> trước 17h00, ngày 23/6/2024 theo thông báo chi tiết của Trường. Những trường hợp đặc biệt, thí sinh không thể nộp hồ sơ xét tuyển trực tuyến, thí sinh liên hệ hotline để được cán bộ phụ trách hướng dẫn trực tiếp.

- Đối với phương thức xét Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024: thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT (theo mẫu quy định của Trường Quốc tế - ĐHQGHN tại Phụ lục 2 Đề án này) và lệ phí xét tuyển theo hình thức trực tuyến/online tại địa chỉ: <https://ts.isvnu.vn> theo thông báo chi tiết của Trường và hướng dẫn tuyển sinh năm 2024 của Bộ GD&ĐT.

- Đối với phương thức xét Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024: thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến/online theo kế hoạch và hướng dẫn tuyển sinh năm 2024 của Bộ GD&ĐT trên Hệ thống.

7.3. Địa chỉ hỗ trợ thí sinh ĐKXT:

Cơ sở 1: Văn phòng Tuyển sinh Trường Quốc tế - Nhà E5, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Cơ sở 2: Bộ phận Tuyển sinh – Phòng Công tác sinh viên, Phòng 302, tầng 3, Nhà C, Làng Sinh viên HACINCO, 79 Ngụy Như Kon Tum, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: 1900 2609/ 0983 372 988/ 0379 884 488/ 0989 106 633/ 086 605 3336/ 086 675 3338.

Lưu ý: Trong trường hợp có thay đổi về lịch tuyển sinh vì các lý do bất khả kháng theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN, Trường Quốc tế sẽ thông tin cập nhật trên website của Trường.

8. Chính sách ưu tiên

Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN: chi tiết xem tại mục 5.1.

9. Lệ phí xét tuyển

- Lệ phí hồ sơ xét tuyển theo các phương thức xét tuyển thẳng và xét tuyển sớm: 30.000 VNĐ/ hồ sơ;
- Lệ phí xét tuyển trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT: theo quy định của Bộ GD&ĐT.

10. Học phí

10.1. Học phí các chương trình đào tạo đại học do ĐHQGHN cấp bằng

Mức học phí dự kiến áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2024 như sau (đơn vị tính VNĐ):

TT	Ngành đào tạo	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027	Năm học 2027-2028 (Dự kiến)	Năm học 2028-2029 (Dự kiến)	Tổng học phí cả khóa học (Dự kiến) (*)
1	Kinh doanh quốc tế	50.600.000	50.600.000	50.600.000	50.600.000		202.400.000

TT	Ngành đào tạo	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027	Năm học 2027-2028 (Dự kiến)	Năm học 2028-2029 (Dự kiến)	Tổng học phí cả khóa học (Dự kiến) (*)
2	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	50.600.000	50.600.000	50.600.000	50.600.000		202.400.000
3	Hệ thống thông tin quản lý *	48.000.000	48.000.000	48.000.000	48.000.000		192.000.000
4	Tin học và Kỹ thuật máy tính *	48.000.000	48.000.000	48.000.000	48.000.000		192.000.000
5	Phân tích dữ liệu kinh doanh	35.250.000	39.750.000	44.750.000	50.250.000		170.000.000
6	Ngôn ngữ Anh (chuyên sâu Kinh doanh – Công nghệ thông tin)	37.500.000	42.250.000	47.750.000	53.750.000		181.250.000
7	Kỹ sư Tự động hóa và Tin học	41.000.000	46.250.000	52.250.000	58.750.000	33.000.000	231.250.000
8	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	41.000.000	46.250.000	52.250.000	58.750.000		198.250.000
9	Công nghệ thông tin ứng dụng	41.000.000	46.250.000	52.250.000	58.750.000		198.250.000

TT	Ngành đào tạo	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027	Năm học 2027-2028 (Dự kiến)	Năm học 2028-2029 (Dự kiến)	Tổng học phí cả khóa học (Dự kiến) (*)
10	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	41.000.000	46.250.000	52.250.000	58.750.000		198.250.000

** Mức học phí dự kiến áp dụng sau khi ĐHQGHN phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật. Mức học phí này có thể điều chỉnh tăng hoặc giảm trong trường hợp bị điều chỉnh bởi quy định của pháp luật.*

- Mức học phí trên không bao gồm học phí học chương trình tiếng Anh dự bị, phí thi lại, học lại, học cải thiện điểm và các khoản phí khác nếu sinh viên không đảm bảo được tiến độ, điều kiện và chất lượng của chương trình đào tạo.

- Các khoản thu được thực hiện vào đầu mỗi học kỳ theo thông báo thu của Trường, mức thu mỗi học kỳ căn cứ theo số tín chỉ đăng ký học trong kỳ hoặc tính bình quân học phí mỗi học kỳ theo kế hoạch đào tạo của Trường.

10.2. Chương trình đào tạo song bằng do ĐHQGHN và trường đối tác cùng cấp bằng như sau:

TT	Ngành đào tạo	Đơn vị cấp bằng	Học phí/khóa học	Ghi chú
1	Marketing song bằng do ĐHQGHN và Đại học HELP, Malaysia cùng cấp bằng.	ĐHQGHN và trường Đại học HELP – Malaysia	322.000.000 VNĐ/1 sinh viên/1 khóa học	Mức học phí này đã bao gồm tiền học phí của 01 học kỳ sinh viên học tại Đại học HELP, Malaysia
2	Quản lý song bằng do ĐHQGHN và Đại học Keuka, Mỹ cùng cấp bằng.	ĐHQGHN và trường Đại học Keuka – Hoa Kỳ	450.800.000 VNĐ/1 sinh viên/1 khóa học	Mức học phí này đã bao gồm tiền học phí của 01 học kỳ sinh viên học tại Đại học Keuka, Hoa Kỳ.

Lưu ý:

- Mức học phí trên không bao gồm học phí học chương trình tiếng Anh dự bị, phí thi lại, học lại, học cải thiện điểm và các khoản phí khác nếu sinh viên không đảm bảo được tiến độ, điều kiện và chất lượng của chương trình đào tạo.

- Mức học phí trên không thay đổi trong suốt 4 năm học, đã bao gồm tiền học phí của 01 học kỳ sinh viên học tại nước ngoài và chưa bao gồm các khoản kinh phí ăn ở, đi lại, visa, chi phí khác phát sinh.

- Các khoản thu được thực hiện vào đầu mỗi học kỳ theo thông báo thu của Trường, mức thu mỗi học kỳ căn cứ theo số tín chỉ đăng ký học trong kỳ hoặc tính bình quân học phí mỗi học kỳ theo kế hoạch đào tạo của Trường.

10.3. Học phí chương trình đào tạo tiếng Anh dự bị

Học phí của chương trình là 11.165.000 VNĐ/1 sinh viên/1 cấp độ (Mười một triệu, một trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Thông tin chi tiết về Chương trình đào tạo tiếng Anh dự bị xem tại <https://www.is.vnu.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao-tieng-anh-du-bi/>

11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Theo lịch chung của Bộ GD&ĐT và theo thông báo cập nhật của Trường

- Đợt 1: theo quy định của Bộ GD&ĐT, hoàn thành chậm nhất trước 17h00 ngày 27/8/2024.

- Đợt 2 (nếu còn chỉ tiêu): đến hết tháng 9/2024 (trừ đối tượng thí sinh quốc tế).

12. Việc đơn vị đào tạo thực hiện cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro

Trường cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của Nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN.

13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

<https://www.is.vnu.edu.vn/doi-song-sinh-vien/cac-hoat-dong-huong-nghiep>

<https://www.is.vnu.edu.vn/doi-song-sinh-vien/cong-thong-tin-viec-lam>

13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học

- Tăng cường tính chất thực hành, thực tế tại doanh nghiệp và mời giảng viên đến từ doanh nghiệp chia sẻ với sinh viên;

- Sử dụng nguồn giảng viên thỉnh giảng cho các ngành về máy tính và công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu đào tạo theo quy định của Bộ GD-ĐT.

14. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp năm 2023 của Trường là: 320.307.014.792 đồng;

- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm 2023 là: 39.700.000 đồng/sinh viên.

15. Các thông tin khác

15.1. Chương trình Học bổng Tài năng vào Trường Quốc tế năm học 2023-2024

Trường Quốc tế xét cấp 56 suất Học bổng Tài năng, trong đó 13 suất học bổng trị giá miễn học phí 100% toàn bộ khóa học tại Trường Quốc tế và 43 suất học bổng trị giá miễn học phí 50% khóa học cho các thí sinh được xét tuyển thẳng hoặc xét theo phương thức khác vào Trường Quốc tế đáp ứng **một** trong các tiêu chí sau:

- Thí sinh trúng tuyển thẳng vào Trường Quốc tế theo quy chế của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN (chi tiết xem tại mục 5.1.1 và 5.1.3 của đề án này)

- Thí sinh trúng tuyển theo phương thức xét chứng chỉ tiếng Anh Quốc tế (IELTS/TOEFL) kết hợp kết quả học tập bậc THPT hoặc kết quả kỳ thi ĐGNL của ĐHQGHN có chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 7.0 hoặc TOEFL iBT từ 96 điểm trở lên.

- Thí sinh trúng tuyển vào Trường Quốc tế và đạt một trong các điều kiện sau: Có kết quả chứng chỉ A-Level/ SAT /ĐGNL với kết quả cao (A-Level: từ 75/100 trở

lên, SAT: từ 1250/1600 trở lên, Đánh giá năng lực của ĐHQGHN: từ 110/150 trở lên, Đánh giá năng lực của ĐHQGHCM từ 850/1200.

Nguyên tắc xét: Từ cao xuống thấp theo thành tích học tập và hoạt động ngoại khóa, bài luận về chương trình hành động, kết quả phỏng vấn với Trường Quốc tế (trừ các thí sinh có thành tích đặc biệt xuất sắc được Hội đồng Thi đua, khen thưởng - Kỷ luật sinh viên xem xét miễn phỏng vấn) cho tới khi hết chỉ tiêu.

Thời gian dự kiến công bố kết quả cấp Học bổng Tài năng: dự kiến từ ngày 7/7/2024 - 9/7/2024.

15.2. Chương trình Học bổng dài hạn, ngắn hạn khác:

STT	Loại hình học bổng	Đối tượng	Tên học bổng	Mức học bổng
I	HỌC BỔNG ĐẦU VÀO			
1	Học bổng Thu hút nhân tài	Sinh viên có kết quả thi THPT xuất sắc, chứng chỉ IELTS, TOEFL iBT, A-Level, SAT, ACT, ĐGNL với kết quả cao	Học bổng Chu Văn An	100% học phí toàn khoá
			Học bổng Nguyễn Văn Đạo	20.000.000đ/năm
			Học bổng Hiệu trưởng VNU-IS	15.000.000đ/năm
2	Học bổng Tài năng	Sinh viên có thành tích xuất sắc được tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD-ĐT	Học bổng tài năng VNU-IS	50% - 100% học phí toàn khoá
		Sinh viên các nhóm ngành công nghệ và ngôn ngữ học tập tại Hoà Lạc	Học bổng Tài năng Công nghệ VNU-IS	100% học phí kỳ học đầu tiên
			Học bổng Tài năng Ngôn ngữ VNU-IS	
3	Học bổng sinh viên quốc tế	Sinh viên quốc tế có kết quả học tập tốt	Việt Nam	100% học phí toàn khoá
			Hà Nội	50% học phí toàn khoá
			Học bổng Sinh viên Quốc tế VNUIS	100% học phí học kì đầu
4	Học bổng dành cho sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vươn	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, thi đỗ vào Trường Quốc tế và có nguyện vọng học tập tại môi trường	Học bổng Chân trời mới	100% học phí toàn khoá

STT	Loại hình học bổng	Đối tượng	Tên học bổng	Mức học bổng
	lên trong học tập	quốc tế chất lượng cao		
II	HỌC BỔNG NGẮN HẠN			
1	Học bổng khuyến khích học tập	Sinh viên đạt thành tích học tập giỏi, xuất sắc	Học bổng Xuất sắc hạng I	25.000.000đ/học kì
			Học bổng Xuất sắc hạng II	20.000.000đ/học kì
			Học bổng Xuất sắc hạng III	15.000.000đ/học kì
			Học bổng Giỏi hạng I	10.000.000đ/học kì
			Học bổng Giỏi hạng II	7.000.000đ/học kì
		Sinh viên đạt thành tích học tập cao trong chương trình tiếng Anh dự bị	Học bổng Công dân toàn cầu	5.000.000 đ
2	Học bổng hỗ trợ học tập	Hoàn cảnh khó khăn, người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng	Học bổng Tương thân tương ái VNU-IS	15% - 100% học phí/ học kì
3	Học bổng các trường đối tác	Sinh viên đạt thành tích học tập tốt, là đại diện tiêu biểu của ngành học	Học bổng Study tour tại ĐH Help/ ĐH Keuka tại Đà Nẵng	500\$ - 1000\$
			Học bổng Hiệu trưởng VNU-IS HELP, VNUIS - Keuka	1300\$-2500\$
			Học bổng đại sứ sinh viên VNUIS - HELP, VNUIS - Keuka	400\$-700\$
4	Học bổng cho học sinh/ sinh viên có thành tích nghiên cứu khoa học, hoạt động xã hội, hoạt động phong trào đặc biệt xuất sắc.	Sinh viên có thành tích, năng khiếu xuất sắc ở các lĩnh vực khác nhau	Học bổng Ngôi sao VNU-IS	Từ 5.000.000đ tới 100% học phí toàn khoá

Bảng 9: Một số chương trình học bổng dài hạn, ngắn hạn của Trường Quốc tế

Bên cạnh hệ thống học bổng của Trường Quốc tế và các trường đối tác, Nhà trường chủ động tìm kiếm các nguồn học bổng tài trợ cho sinh viên thông qua các tổ chức, cá nhân, đối tác trong và ngoài nước của ĐHQGHN và của Nhà trường.

Mỗi năm, có khoảng 20-30 chương trình học bổng được các doanh nghiệp, tập đoàn tài trợ cho sinh viên với tổng giá trị lên tới hàng tỷ đồng. Những sinh viên đạt được những thành tích trong học tập, nghiên cứu khoa học, công tác xã hội hoặc có hoàn cảnh khó khăn sẽ có nhiều cơ hội được nhận học bổng có giá trị cụ thể sau:

TT	Tên học bổng	STT	Tên học bổng
1	Học bổng Kumho Asiana	9	Học bổng Annex
2	Học bổng Mitsubishi, Nhật Bản	10	Học bổng ADF, Hàn Quốc
3	Học bổng Posco, Hàn Quốc	11	Chương trình học bổng quốc tế Nitori, Nhật Bản
4	Học bổng Pony Chung, Hàn Quốc	12	Học bổng Đinh Thiện Lý
5	Học bổng Yamada, Nhật Bản	13	Học bổng EVN
6	Học bổng Shinnyo, Nhật Bản	14	Học bổng KBSV
7	Học bổng Vingroup	15	Học bổng Chắp cánh ước mơ Công nghệ HTI-VNUIS
8	Học bổng K-T	16	Học bổng BIDV

Bảng 10: Các chương trình học bổng doanh nghiệp dành cho sinh viên

15.3. Thông tin khác về các chương trình đào tạo đại học chính quy tại Trường Quốc tế

15.3.1. Cơ hội của sinh viên khi học tập tại Trường Quốc tế

- Được học tập và nghiên cứu trực tiếp hoàn toàn trong môi trường bằng tiếng Anh với các giảng viên có trình độ cao, thành thạo ngoại ngữ; được tiếp cận với chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, quy trình kiểm tra đánh giá tiên tiến theo chuẩn giáo dục của các trường đại học nước ngoài;

- Được học các học phần có giảng viên nước ngoài trực tiếp giảng dạy (lên đến 20 - 25% các học phần chuyên ngành);

- Được tiếp cận nguồn học liệu bằng tiếng nước ngoài phong phú tại Trường Quốc tế (15.281 đầu sách giáo trình và sách tham khảo bản quốc tế, dịch vụ tư vấn và tập huấn kỹ năng học tập, nghiên cứu từ hệ thống Thư viện truy cập mở hiện đại của Trường Quốc tế) và của ĐHQGHN (kho tài liệu in với 125.000 tên tài liệu tương đương 450.000 bản tài liệu; 500 tên ấn phẩm định kì; 25.000 tên luận văn, luận án;

2.000 đề tài kết quả nghiên cứu. Kho tài liệu số bao gồm 50.000 tên tài liệu tương đương với 3 triệu trang tài liệu. Cơ sở dữ liệu trực tuyến: Sciences Direct, Springer, Nature, ACM, IG Publishing, Emerald;

- Được tham gia hoạt động ngoại khóa, kỹ năng mềm; có cơ hội thực tập, trải nghiệm thực tế ở các công ty, tập đoàn; tham gia các dự án khởi nghiệp thông qua các câu lạc bộ văn hóa và chuyên ngành, hệ thống dịch vụ tư vấn học tập và hướng nghiệp, mạng lưới Alumni, các hoạt động của Đoàn thanh niên Trường Quốc tế;

- Được trao đổi học tập ngắn hạn ở nhiều trường đại học đối tác uy tín tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Thái Lan, Malaysia, ...;

- Được làm việc, giao lưu, học hỏi cùng các sinh viên quốc tế đến từ mạng lưới các trường đại học đối tác của Trường Quốc tế;

- Sinh viên các ngành Kinh doanh quốc tế; Kế toán, Phân tích và Kiểm toán; Hệ thống thông tin quản lý có thể đăng ký để lấy bằng cử nhân thứ 2 tại Trường Đại học Luật – ĐHQGHN hoặc tại Trường ĐH Ngoại ngữ – ĐHQGHN;

- Được công nhận tương đương kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ khi đăng ký học chuyển tiếp tại các trường đại học uy tín nước ngoài theo quy định của Trường Quốc tế như Trường ĐH Canberra, ĐH Nam Australia, ĐH Western Sydney, ĐH Curtin (Úc), ĐH Heriot-Watt, ĐH Huddersfield (Anh), ĐH Missouri State, ĐH Arizona (Mỹ), ĐH Chienkuo, ĐH Khoa học và Công nghệ Lunghwa (Đài Loan), ĐH HELP (Malaysia). Thông tin chi tiết xem tại: <https://bit.ly/Thongtinchuyentiep>;

- Chương trình cử nhân Kế toán, Phân tích và Kiểm toán là chương trình thứ hai tại Việt Nam trong tổng số 758 chương trình kế toán được Hiệp hội Kế toán Công chứng Úc (Certified Practising Accountant Australia-CPA Australia) công nhận tại Úc, Trung Quốc, Malaysia, New Zealand, Hồng Kông và nhiều nước khác. Sinh viên của Trường Quốc tế- ĐHQGHN tốt nghiệp chương trình này sẽ được miễn hoàn toàn 6 môn Foundation trong chương trình CPA Australia và sẽ có cơ hội trở thành Hội viên dự bị của CPA Australia ngay sau khi tốt nghiệp và bắt đầu theo học các môn chuyên ngành;

- Các chương trình đào tạo của Trường Quốc tế theo mô hình cấp hai bằng cử nhân mang lại cơ hội trải nghiệm đại học độc đáo và giá trị cho sinh viên. Với một học kỳ học tập tại trường đại học đối tác, chương trình giúp sinh viên mở rộng tầm nhìn, hiểu biết và phát triển các kỹ năng mềm vượt trội. Mức học phí trong kỳ học tại nước ngoài không thay đổi so với kỳ học tại Việt Nam. Sinh viên tốt nghiệp chương trình được nhận đồng thời hai bằng cử nhân từ ĐHQGHN và trường đại học nước ngoài;

- Chương trình Tự động hóa và Tin học là chương trình kỹ sư đầu tiên tại Trường Quốc tế, ĐHQGHN. Chương trình do ĐHQGHN cấp bằng, được xây dựng dựa trên chương trình Hệ thống điều khiển và Công nghệ thông tin trong Công nghiệp của Học viện Hàng không Mát-xcơ-va, LB Nga (MAI). Sinh viên theo học chương trình có cơ hội chuyển tiếp sang học tại Học viện Hàng không Mát-xcơ-va và nhận các suất học

bồng hiệp định giữa 2 chính phủ Việt Nam và LB Nga. Sinh viên tốt nghiệp chương trình sẽ được nhận bằng Kỹ sư;

- Chương trình Cử nhân Ngôn ngữ Anh (chuyên sâu Kinh doanh - Công nghệ thông tin) là chương trình đầu tiên của Việt Nam do ĐHQGHN phát triển và cấp bằng, tích hợp giữa ngôn ngữ Anh và kiến thức chuyên ngành chuyên sâu về kinh doanh hoặc công nghệ thông tin. Sinh viên tốt nghiệp chương trình có thể đảm nhận 1 trong 4 nhóm vị trí việc làm đặc trưng của cử nhân Ngôn ngữ Anh nhưng có định hướng chuyên sâu và hoàn toàn khác biệt với những chương trình cử nhân Ngôn ngữ Anh thông thường;

- Các chương trình: Công nghệ thông tin ứng dụng; Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics; Công nghệ Tài chính và Kinh doanh số là các chương trình cử nhân kết hợp thạc sĩ. Sinh viên có thể đăng kí học thẳng lên bậc thạc sĩ và tích lũy các tín chỉ của bậc thạc sĩ ngay từ năm cuối cùng của chương trình đại học. Vì vậy sinh viên chỉ phải học thêm một học kì và một học kì thực tập sau khi tốt nghiệp đại học là có thể có bằng thạc sĩ. Ngoài ra, các chương trình này được thiết kế với thời lượng thực hành, thực tập thực tế lớn để đảm bảo sinh viên tiếp cận môi trường thực tế từ sớm và có thời gian rèn luyện thành thạo các kĩ năng nghề nghiệp. Hiện nay Trường Quốc tế có quan hệ hợp tác và nhận được sự hỗ trợ đào tạo của nhiều tập đoàn và công ty lớn như Viettel, FPT, CMC, SMC, FoxConn,...

- Sinh viên các ngành Tin học và Kỹ thuật máy tính, Tự động hóa và Tin học, Công nghệ thông tin ứng dụng, Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics, Công nghệ tài chính và Kinh doanh số sẽ được tổ chức đào tạo một phần thời gian (dự kiến 2 năm đầu) ở Khu đô thị đại học của ĐHQGHN tại Hòa Lạc.

15.3.2. Một số lợi thế của sinh viên Trường Quốc tế sau khi tốt nghiệp

- Có kiến thức khoa học vững chắc và tự tin, chuyên nghiệp, thành thạo ngoại ngữ cũng như có khả năng thích nghi để làm việc hiệu quả trong môi trường làm việc hội nhập và nhiều thách thức;

- Có ưu thế nhờ các kỹ năng giao tiếp, tổ chức, lãnh đạo đội nhóm và hiểu biết đa văn hoá;

- Có kiến thức liên ngành và khả năng giải quyết các bài toán đến từ nhiều lĩnh vực khác nhau;

- Có khả năng nghiên cứu khoa học và khả năng tiếp tục học lên cao hơn để đạt được các bằng cấp cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ, tiến sĩ khoa học và mở rộng cơ hội phát triển nghề nghiệp lâu dài;

- Có kinh nghiệm làm việc với các giáo sư, chuyên gia nhà nghiên cứu và đồng nghiệp trong cộng đồng nghiên cứu; Có mạng lưới quan hệ giá trị trong lĩnh vực của mình cả trong lĩnh vực học thuật và thực tế doanh nghiệp;

- Có ưu thế vượt trội khi đăng ký làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế;

- Văn bằng tốt nghiệp có giá trị toàn cầu để tiếp tục học tập ở bậc đào tạo cao hơn ở trong nước hoặc tại nước ngoài.

Ngày.....tháng.....năm 2024

Cán bộ kê khai

Thái Thị Minh

ĐT:0986442868

Email: minhtt@vnuis.edu.vn

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Anh Hào

Phó Chủ tịch HĐTS đại học năm 2024

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2023

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		
1	Tiến sĩ		
1.1	Lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin		
1.1.1	Chuyên ngành Tin học và Kỹ thuật máy tính	9480106	9
1.2	Lĩnh vực Khoa học xã hội và Hành vi và Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý		
1.2.1	Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý	9310116.01QTD (ban ngày tháng 2/2023)	14
2	Thạc sĩ		
2.1	Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý		
2.1.1	Chuyên ngành Quản trị tài chính	8340202.01QTD	42
2.1.2	Chuyên ngành Kinh doanh quốc tế	8340120	22
2.3	Lĩnh vực Máy tính		
2.3.1	Chuyên ngành Tin học và Kỹ thuật máy tính	8480106	5
2.4	Lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm		
2.4.1	Ngành Ngân hàng, Tài chính, Bảo hiểm quốc tế	8340201	21
2.5	Lĩnh vực		
2.5.1	Ngành Nghiên cứu và Tác nghiệp Marketing	83490	45
2.6	Lĩnh vực Kinh doanh		
2.6.1	Ngành Quản trị kinh doanh	8340101	54
B	ĐẠI HỌC		4580
3	Chương trình chính quy do ĐHQGHN cấp bằng		3937
3.1	Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý		
3.1.1	Kinh doanh quốc tế	7340120	1135
3.1.2	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	7340303	835
3.1.3	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	483
3.1.4	Phân tích dữ liệu kinh doanh	7340125	470

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
3.2	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin		
3.2.1	Công nghệ thông tin ứng dụng	7480210	174
3.2.2	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	7480209	225
3.3	Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật		
3.3.1	Tự động hóa và Tin học	7510306	219
3.4	Lĩnh vực Kỹ thuật		
3.4.1	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	7520139	122
3.5	Lĩnh vực Nhân văn		
3.5.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	274
4	Chương trình chính quy, liên kết đào tạo với nước ngoài do ĐHQGHN cấp bằng hoặc cùng cấp bằng		643
4.1	Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý		
4.1.1	Marketing	7340115	203
4.1.2	Quản lý	7340108	103
4.2	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin		
4.2.1	Tin học và Kỹ thuật máy tính	7480111	337

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất:

+ Trường Quốc tế được ĐHQGHN giao quản lý khai thác sử dụng **600 m²** tại Toà nhà G7, G8 tại địa chỉ 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy làm phòng học, phòng làm việc và được sử dụng các mặt bằng chung của ĐHQGHN tại đây như: Sân vận động, Nhà thi đấu...;

+ Trường Quốc tế đang thuê dài hạn 01 toà nhà 7 tầng (Nhà C) và một số phòng học tại Nhà E trong Làng Sinh viên HACINCO tại địa chỉ số 79, Ngụy Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội với tổng diện tích sàn xây dựng **hơn 3.500 m²**, cùng với đó được sử dụng khuôn viên chung như sân chơi, bãi đỗ xe và các tiện ích khác của Làng Sinh viên HACINCO.

+ Trường Quốc tế đang thuê dài hạn cơ sở tại Trịnh Văn Bô với diện tích sàn **4000 m²** với đầy đủ cơ sở vật chất gồm phòng học, phòng thực hành máy tính, xưởng thực hành...

+ Trường Quốc tế cũng được ĐHQGHN cho phép sử dụng cơ sở là tòa HT1 tại Hòa Lạc với tổng diện tích sàn xây dựng là hơn 14.000 m² bao gồm các giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng làm việc, phòng hội thảo, thư viện, phòng tự học,...

+ Đất được giao theo quy hoạch tổng thể xây dựng ĐHQGHN tại Hoà Lạc: **9,22 ha**

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên tại:

- + Làng sinh viên HACINCO, Nhân chính, Thanh Xuân: **200 chỗ**
- + KTX ĐHQGHN tại Mỹ Đình: **100 chỗ**
- + KTX ĐHQGHN tại Hòa Lạc: **300 chỗ**

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo tính trên một sinh viên chính quy:

Stt	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	<i>Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu</i>		
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	385
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	4	585
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	23	1.190
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	53	1.720
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	100
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	43	3.227
2	<i>Thư viện, trung tâm học liệu</i>	3	779
3	<i>Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập</i>	8	518
4	<i>Cơ sở vật chất dùng chung trong ĐHQGHN</i>		
4.1	Hội trường Nguyễn Văn Đạo, Số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội		1.000
4.2	Trung tâm giáo dục Quốc phòng - An ninh, Khu đô thị ĐHQGHN tại Hòa Lạc		20.000
4.3	Khu liên hợp thể thao, Số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội (sân tập thể dục thể thao ĐHNH và nhà tập đa năng ĐHNH)		9.800
4.4	Thư viện dùng chung của VNU		7.000
	Tổng		46.304

2.2. Các thông tin khác

Thống kê về học liệu trong thư viện Trường Quốc tế:

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng (đầu sách)
1	<i>Khối ngành I</i>	
2	<i>Khối ngành II</i>	

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng (đầu sách)
3	<i>Khối ngành III</i>	
3.1	Cử nhân Kinh doanh quốc tế	398
3.2	Cử nhân Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	315
3.3	Cử nhân Hệ thống thông tin quản lý	339
3.4	Cử nhân Phân tích dữ liệu kinh doanh	220
3.5	Marketing (chương trình đào tạo cấp 2 bằng ĐH của ĐHQGHN và trường ĐH HELP - Malaysia)	371
3.6	Quản lý (chương trình đào tạo cấp 2 bằng ĐH của ĐHQGHN và trường ĐH Keuka – Hoa Kỳ)	179
4	<i>Khối ngành IV</i>	
5	<i>Khối ngành V</i>	
5.1	Cử nhân Tin học và Kỹ thuật máy tính	204
5.2	Kỹ sư Tự động hóa và Tin học	150
5.3	Công nghệ thông tin ứng dụng	157
5.4	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	165
5.5	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	156
6	<i>Khối ngành VII</i>	
6.1	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	169

3. Danh sách giảng viên

3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
1	Trương Công Đoàn	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số (90%) Ngôn ngữ Anh (10%)
2	Trần Đức Quỳnh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số
3	Nghiêm Xuân Hòa	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kinh tế học	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số
4	Michael Omar	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin và truyền thông	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số
5	Tạ Huy Hùng	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số
6	Trương Thị Huệ	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số
7	Nguyễn Trà My	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kinh tế	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số
8	Vũ Minh Quân	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số
9	Trần Thị Oanh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN	Phó giáo sư		Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin ứng dụng
10	Nguyễn Doãn Đông	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Tin học	Công nghệ thông tin ứng dụng

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
11	Thân Văn Thái	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Sinh y	Công nghệ thông tin ứng dụng
12	Nguyễn Văn Tánh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kỹ thuật máy tính	Công nghệ thông tin ứng dụng
13	Phạm Huy Thông	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin ứng dụng
14	Bùi Mỹ Trinh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản lí	Hệ thống thông tin quản lý (90%) Quản lý (song bằng) (10%)
15	Nguyễn Thanh Tùng	Trường Quốc tế, ĐHQGHN	Phó giáo sư		Mạng viễn thông	Hệ thống thông tin quản lý
16	Chu Đình Tới	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Y học	Hệ thống thông tin quản lý
17	Nguyễn Thế Cường	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kinh doanh và thương mại	Hệ thống thông tin quản lý
18	Bùi Duy Hiếu	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin quản lý
19	Lê Hoàng Sơn	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin quản lý
20	Trần Thị Ngân	Trường Quốc tế, ĐHQGHN	Phó giáo sư		Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin quản lý
21	Cao Văn Thắng	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin quản lý
22	Bùi Nhật Lệ	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Dược	Hệ thống thông tin quản lý

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
23	Vũ Thị Huệ	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Y tế công cộng	Hệ thống thông tin quản lý
24	Chu Văn Hùng	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
25	Đỗ Phương Huyền	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Tài chính Ngân hàng	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
26	Lê Đức Thịnh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Toán học	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
27	Lê Thị Mai	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kế toán	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
28	Nguyễn Đức Khương	Trường Quốc tế, ĐHQGHN	Giáo sư		Tài chính	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
29	Nguyễn Văn Định	Trường Quốc tế, ĐHQGHN	Phó giáo sư		Kinh tế	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
30	Trần Thị Thủy Anh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Kế toán chuyên nghiệp	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
31	Nguyễn Khánh Linh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Kinh tế - tài chính	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
32	Lê Thị Thu Hương	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Tài chính	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
33	Phan Bảo Trung	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Kế Toán	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
34	Nguyễn Thị Phương	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kế Toán	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
35	Nguyễn Tuấn Minh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Đầu tư tài chính	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
36	Phạm Xuân Hoan	Trường Quốc tế, ĐHQGHN	Phó giáo sư		Kinh tế	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
37	Lê Quang Minh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
38	Nguyễn Hoàng Lan	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Kế toán và Tài chính	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
39	Dương Mỹ Hạnh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Tài chính	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
40	Nguyễn Ngọc Anh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Triết học về quản trị kinh doanh	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
41	Nguyễn Phú Hưng	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế và tài chính	Kinh doanh quốc tế
42	Phạm Thanh Huyền	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	MBA	Kinh doanh quốc tế
43	Nguyễn Đăng Huy Đăng	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
44	Nguyễn Thị Thủy	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Tâm lý học	Kinh doanh quốc tế
45	Lê Quân	Trường Quốc tế, ĐHQGHN	Giáo sư		Kinh tế	Kinh doanh quốc tế
46	Chu Huy Anh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Thuế	Kinh doanh quốc tế

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
47	Lê Hương Linh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kinh tế và quản lí	Kinh doanh quốc tế (90%) Quản lý (song bằng) (10%)
48	Mai Anh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Khoa học quản lí	Kinh doanh quốc tế (90%) Quản lý (song bằng) (10%)
49	Nguyễn Phương Mai	Trường Quốc tế, ĐHQGHN	Phó giáo sư		Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
50	Nguyễn Thị Kim Oanh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kế toán	Kinh doanh quốc tế
51	Nguyễn Thị Thu Huyền	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Kinh doanh quốc tế (60%) Ngôn ngữ Anh (40%)
52	Nguyễn Trí Trung	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Kinh doanh quốc tế
53	Trần Anh Hào	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Đại chất học - Khoáng vật học	Kinh doanh quốc tế
54	Trần Công Thành	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế (90%) Ngôn ngữ Anh (10%)
55	Vũ Xuân Đoàn	Trường Quốc tế, ĐHQGHN	Phó giáo sư		Ngôn ngữ Pháp	Kinh doanh quốc tế
56	Nguyễn Việt Cường	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	Kinh doanh quốc tế
57	Lê Việt Hoàng	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Giáo dục quốc tế	Kinh doanh quốc tế
58	Nguyễn Thị Kim Duyên	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
59	Lưu Thị Minh Ngọc	Trường Quốc tế, ĐHQGHN	Phó giáo sư		Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
60	Lê Văn Đạo	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Chính sách công	Kinh doanh quốc tế
61	Nguyễn Thùy Trang	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Chính sách công	Kinh doanh quốc tế
62	Nguyễn Anh Tuấn	Trường Quốc tế, ĐHQGHN	Phó giáo sư		Kinh tế đối ngoại	Kinh doanh quốc tế
63	Kim Đình Thái	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện và Truyền thông	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
64	Bùi Thanh Tùng	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Tự động hóa	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
65	Phạm Ngọc Thành	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kỹ thuật	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
66	Đặng Văn Sơn	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Khoa học vật liệu	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
67	Nguyễn Quốc Hưng	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Vật lý chất rắn	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
68	Nguyễn Như Tùng	Trường Quốc tế, ĐHQGHN	Phó giáo sư		Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
69	Nguyễn Thế Anh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quang tử	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
70	Nguyễn Trung Hiến	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản lý và phát triển địa phương	Marketing (song bằng)
71	Lê Duy Tiến	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kỹ thuật máy tính	Marketing (song bằng)
72	Nguyễn Việt Thành	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kinh tế	Marketing (song bằng)
73	Naomi Laspona Echavez	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Giáo dục	Marketing (song bằng)
74	Aleksandra Skibinska	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh và marketing	Marketing (song bằng)
75	Dzanis Trusau	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Sư phạm tiếng anh	Marketing (song bằng)
76	Nguyễn Thị Hương Ly	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Marketing	Marketing (song bằng)
77	Đặng Hồng Ngân	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
78	Đặng Thị Quỳnh Trang	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
79	Đỗ Thanh Vân	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Sư phạm Anh	Ngôn ngữ Anh
80	Đỗ Thị Hồng Liên	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
81	Dương Thị Thiên Hà	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
82	Dương Thị Thu Huyền	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
83	Lại Thanh Vân	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
84	Lê Hoài Thu	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
85	Nguyễn Thị Tố Hoa	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
86	Nguyễn Việt Hùng	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
87	Phạm Thị Tuyết Mai	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
88	Trần Thị Lan Hương	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
89	Hoàng Tuyết Minh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN	Phó giáo sư		Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh
90	Vũ Thị Thanh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh
91	Nguyễn Thị Quế Linh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Ngôn ngữ anh	Ngôn ngữ Anh
92	Đỗ Tiến Thành	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Ngôn ngữ Anh
93	Hồ Tú Bảo	Trường Quốc tế, ĐHQGHN	Giáo sư		Khoa học máy tính	Phân tích dữ liệu kinh doanh

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
94	Nguyễn Hải Thanh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN	Phó giáo sư		Toán học	Phân tích dữ liệu kinh doanh
95	Nguyễn Thị Hồng Hanh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kinh doanh điện tử và dịch vụ	Phân tích dữ liệu kinh doanh
96	Trần Quang Tuyền	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kinh tế	Phân tích dữ liệu kinh doanh
97	Trần Thị Thanh Tú	Trường Quốc tế, ĐHQGHN	Phó giáo sư		Tài chính ngân hàng	Phân tích dữ liệu kinh doanh
98	Đình Văn Dũng	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Phân tích dữ liệu kinh doanh
99	Hoàng Trọng Tiến	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Phân tích định lượng và dữ liệu lớn	Phân tích dữ liệu kinh doanh
100	Bùi Vũ Lương	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	Quản lý (song bằng)
101	Hồ Nguyên Như Ý	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản lý công nghiệp	Quản lý (song bằng)
102	Nguyễn Thị Minh Huyền	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Phát triển Quốc tế và Giáo dục	Quản lý (song bằng)
103	Đào Công Tuấn	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Khoa học quản lý	Quản lý (song bằng)
104	Lê Trung Thành	Trường Quốc tế, ĐHQGHN	Phó giáo sư		Điện tử viễn thông	Tin học và Kỹ thuật máy tính
105	Nguyễn Quang Thuận	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Tin học	Tin học và Kỹ thuật máy tính

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
106	Phạm Thị Việt Hương	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện	Tin học và Kỹ thuật máy tính
107	Hà Mạnh Hùng	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Điện điện tử	Tin học và Kỹ thuật máy tính
108	Nguyễn Đức Thuận	Trường Quốc tế, ĐHQGHN	Giáo sư		Kỹ thuật điện tử	Tin học và Kỹ thuật máy tính
109	Phạm Đình Tân	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kỹ thuật máy tính	Tin học và Kỹ thuật máy tính
110	Nguyễn Văn Tính	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa và Tin học
111	Phạm Hải Yên	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Tự động hóa	Tự động hóa và Tin học
112	Lê Xuân Hải	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa và Tin học
113	Nguyễn Ngọc Linh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử và tự động hóa	Tự động hóa và Tin học
114	Nguyễn Đăng Khoa	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kỹ thuật hàng không vũ trụ	Tự động hóa và Tin học
115	Trần Thế Vĩnh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quang học	Tự động hóa và Tin học
116	Phan Xuân Minh	Trường Quốc tế, ĐHQGHN	Giáo sư		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa và Tin học

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
Tổng số giảng viên toàn trường						116

3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
1	Nguyễn Linh Phương	Học Viện Tài Chính		Thạc sĩ	Tài chính	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số
2	Nguyễn Duy Khánh	Đại học Hà Nội		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số
3	Hoàng Hà Anh	Khoa Kế toán - kiểm toán, trường ĐH Ngoại thương		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng quốc tế	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số
4	Lê Quý Dương	ĐH Kinh tế Quốc Dân		Tiến sĩ	Tài chính	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số
5	Nguyễn Đức Anh	CÔNG TY TNHH GENFIVE		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số
6	Hồ Đăng Phúc	Viện Toán học, Viện HLKHCN Việt Nam	Phó giáo sư		Toán	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số
7	Nguyễn Quang Huy	ĐH ngoại thương Khoa Kế toán và Kiểm toán		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tên ngành đại học tham gia giảng dạy
8	Ngô Thị Huyền Minh	Trung tâm Nâng Cao Năng Lực Cho Người Khuyết Tật Nghị Lực Sống		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số
9	Nguyễn Phương Chi	Trường Đại học Ngoại thương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Công nghệ thông tin ứng dụng
10	Phạm Đức Thọ	Đại học Hùng Vương		Tiến sĩ	Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin ứng dụng
11	Bùi Vũ Anh	Viện ĐBCLGD, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Toán học	Công nghệ thông tin ứng dụng
12	Bùi Duy Hiếu	Viện Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiến sĩ	Công nghệ nano và điện tử nano	Công nghệ thông tin ứng dụng
13	Nguyễn Hải Vinh	Khoa Toán-Cơ-Tin học, trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiến sĩ	Mô hình hóa toán học	Công nghệ thông tin ứng dụng
14	Nguyễn Thùy Linh	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Công nghệ thông tin ứng dụng
15	Nguyễn Hữu Cảm	Học viện Công nghệ Bưu Chính Viễn Thông		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin quản lý
16	Đỗ Văn Hoàn	ĐH Kỹ thuật Lê Quý Đôn		Tiến sĩ	Tin học	Hệ thống thông tin quản lý
17	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Trường ĐH Ngoại thương Hà Nội		Tiến sĩ	Quản lí	Hệ thống thông tin quản lý

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ten ngành đại học tham gia giảng dạy
18	Nguyễn Thị Vân Anh	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông		Tiến sĩ	Quản lí kinh tế	Hệ thống thông tin quản lý
19	Nguyễn Hoàng Dũng	Đại học Bách Khoa Hà Nội		Tiến sĩ	Khoa học và công nghệ	Hệ thống thông tin quản lý
20	Nguyễn Đình Trần Long	Trung tâm liên kết FPT Greenwich – Trường Đại học FPT		Thạc sĩ	Thiết kế hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin quản lý
21	Đình Thị Minh Nguyệt	Đại học Hà Nội		Thạc sĩ	Thiết kế hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin quản lý
22	Đình Hữu Nghĩa	Ban Đào tạo, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin quản lý
23	Nguyễn Ngọc Tân	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin quản lý
24	Lại Thị Thu Thủy	Đại học thương mại		Tiến sĩ	Kiểm toán	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
25	Nguyễn Thị Thanh Phương	Học viện tài chính		Tiến sĩ	Kế toán-kiểm toán	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
26	Nguyễn Thị Thanh Hoài	Học viện tài chính	Phó giáo sư		Tài chính và tín dụng	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
27	Phạm Hoàng Điệp	Đại học Thủ đô Hà Nội		Thạc sĩ	Tài chính-Ngân hàng	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ten ngành đại học tham gia giảng dạy
28	Phí Thị Kiều Anh	Học viện Tài chính		Tiến sĩ	Kế toán-Kiểm toán	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
29	Vũ Đức Kiên	Học viện Tài chính		Tiến sĩ	Tài chính	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
30	Lại Hồng Hà	ĐHSPHN		Thạc sĩ	Ngôn ngữ anh	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
31	Nguyễn Thị Thùy Dung	Học viện Tài chính		Tiến sĩ	Tài chính	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
32	Nguyễn Thùy Trang	Học viện Tài chính		Thạc sĩ	Tài chính	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
33	Đông Văn Chung	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam		Tiến sĩ	Kinh tế học	Kinh doanh quốc tế
34	Nguyễn Thị Phương Linh	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế	Kinh doanh quốc tế
35	Vũ Thị Vân Anh	ĐH Kinh tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
36	Hà Công Anh Bảo	Đại học ngoại thương		Tiến sĩ	Kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
37	Nguyễn Thị Phương Mai	Khoa Kế toán - kiểm toán ĐH ngoại thương		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
38	Nguyễn Tiến Dũng	Viện Kinh tế và Quản lý, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ten ngành đại học tham gia giảng dạy
39	Phạm Trung Tiến	Viện Quản trị kinh doanh, Đại học Thương Mại		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
40	Nguyễn Thị Hồng Vân	Bộ môn Thương mại điện tử, Khoa Quản trị kinh doanh, Đại học Ngoại thương		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
41	Trần Thị Thu Hằng	Giáo viên mời giảng các trường đại học		Thạc sĩ	Ngôn ngữ anh	Kinh doanh quốc tế
42	Nguyễn Anh Tuấn	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN	Phó giáo sư		Kinh tế	Kinh doanh quốc tế
43	Bùi Nguyên Quốc Trình	Đại học Việt Nhật, ĐHQGHN	Phó giáo sư		Vật lí	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
44	Hà Phi	Đại học Bách Khoa Hà Nội		Tiến sĩ	Toán học ứng dụng	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
45	Đào Như Mai	Hưu trí	Phó giáo sư		Cơ học	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
46	Nguyễn Văn Hạnh	Viện Toán ứng dụng và Tin học, Đại học Bách khoa Hà Nội		Tiến sĩ	Xác suất thống kê	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics
47	Nguyễn Huy Anh	Khoa CNTT - Đại học Hà Nội		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Marketing (song bằng VNU-HELP)
48	Lê Minh Hằng	Khoa Quản trị Kinh doanh và Du lịch, Đại học Hà Nội		Thạc sĩ	Marketing	Marketing (song bằng VNU-HELP)

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ten ngành đại học tham gia giảng dạy
49	Trần Việt Dung	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	Marketing (song bằng VNU-HELP)
50	Đỗ Minh Thu	SnackGood Co. Pte. Ltd (Freelance Marketing Manager)		Thạc sĩ	Marketing	Marketing (song bằng VNU-HELP)
51	Nguyễn Thu Hoài	Đại học Thăng Long		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Marketing (song bằng VNU-HELP)
52	Thân Hoài Sơn	Giáo viên mời giảng các trường đại học		Thạc sĩ	Ngôn ngữ anh	Marketing (song bằng VNU-HELP)
53	Ngô Phương Dung	Trường Đại học Hà Nội		Thạc sĩ	Quản lý sự kiện	Marketing (song bằng VNU-HELP)
54	Nguyễn Thị Hoàng Mai	ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội		Thạc sĩ	Ngôn ngữ anh	Ngôn ngữ Anh
55	Hoàng Thu Hằng	Cựu giáo chức Đại học Hà Nội		Thạc sĩ	Ngôn ngữ anh	Ngôn ngữ Anh
56	Phạm Thị Thủy	Cựu giáo chức Trường Quốc tế		Tiến sĩ	Ngôn ngữ anh	Ngôn ngữ Anh
57	Vương Thị Hải Yến	Trường ĐH Thủ Đô Hà Nội		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ Anh
58	Lê Văn Liên	Học viện tài chính		Tiến sĩ	Kế toán	Phân tích dữ liệu kinh doanh
59	Nguyễn Thị Thanh Loan	Đại học Ngoại Thương		Tiến sĩ	Kế toán	Phân tích dữ liệu kinh doanh

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ten ngành đại học tham gia giảng dạy
60	Nguyễn Hoàng Vũ	Tạp chí Pi, Hội Toán học Việt Nam		Thạc sĩ	Toán ứng dụng và khoa học tính toán	Phân tích dữ liệu kinh doanh
61	Cần Văn Hảo	Viện Toán học		Tiến sĩ	Xác suất thống kê	Phân tích dữ liệu kinh doanh
62	Dương Ngọc Hải	HaNoi Adelaide School		Thạc sĩ	Ngôn ngữ anh	Phân tích dữ liệu kinh doanh
63	Nguyễn Thị Thùy Phương	Troy Coordinator in Hanoi		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Phân tích dữ liệu kinh doanh
64	Nguyễn Thu Thảo	Đại học Kinh tế- Đại học Quốc Gia Hà Nội		Thạc sĩ	Quản trị đổi mới và doanh nghiệp	Quản lý (song bằng VNU-Keuka)
65	Ngô Thị Ngọc Anh	Viện Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh		Tiến sĩ	Quản lí	Quản lý (song bằng VNU-Keuka)
66	Nguyễn Trung Hiên	Ban KHCN, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản lý và phát triển địa phương	Quản lý (song bằng VNU-Keuka)
67	Cao Thảo Phương	Trường THPT Chuyên Khoa học tự nhiên		Thạc sĩ	Ngôn ngữ anh	Quản lý (song bằng VNU-Keuka)
68	Nguyễn Văn Công	Swinburne Vietnam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học và Kỹ thuật máy tính
69	Võ Tá Hoàng	Trường ĐH Thủy lợi		Tiến sĩ	mạng máy tính	Tin học và Kỹ thuật máy tính
70	Nguyễn Ngọc Khoát	Trường Đại học Điện lực		Tiến sĩ	Khoa học và kỹ thuật Điện tử	Tin học và Kỹ thuật máy tính
71	Đinh Văn Linh	Học viện Kỹ thuật mật mã		Thạc sĩ	kỹ thuật viễn thông	Tin học và Kỹ thuật máy tính
72	Nguyễn Phương Anh	Swinburne university		Tiến sĩ	Khoa học máy tính	Tin học và Kỹ thuật máy tính

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ten ngành đại học tham gia giảng dạy
73	Bùi Thị Thùy	Trường Đại học FPT		Tiến sĩ	Kỹ thuật máy tính	Tin học và Kỹ thuật máy tính
74	Đỗ Trung Tuấn	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQGHN	Phó giáo sư		Tin học	Tin học và Kỹ thuật máy tính
75	Trần Xuân Tú	Viện Công nghệ Thông tin, ĐHQGHN	Phó giáo sư		Điện tử	Tin học và Kỹ thuật máy tính
76	Ngô Thị Minh Thu	ĐHNN-ĐHQGHN		Tiến sĩ	Tiếng Nga	Tin học và Kỹ thuật máy tính
77	Phạm Đức Diễn	Đại học KD&CN		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Tin học và Kỹ thuật máy tính
78	Hoàng Minh Tuấn	Trường ĐH Công Nghệ, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Cơ kỹ thuật	Tự động hóa và Tin học
79	Trần Quốc Quân	Trường ĐH Công Nghệ, ĐHQGHN		Tiến sĩ	Cơ kỹ thuật	Tự động hóa và Tin học
80	Phạm Đức Huyền Yến	Ban Đào tạo, ĐGHQGHN		Tiến sĩ	Vật lí	Tự động hóa và Tin học
81	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trường ĐH Thương Mại	Phó giáo sư		Khoa học máy tính	Tự động hóa và Tin học
82	Phạm Đình Nguyễn	Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà nội		Thạc sĩ	Cơ kỹ thuật	Tự động hóa và Tin học
83	Trương Minh Châu	Trường Cao đẳng Kinh tế - Công nghiệp Hà Nội		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Tự động hóa và Tin học
Tổng số giảng viên toàn trường						83

PHỤ LỤC 2
MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN DÀNH CHO THÍ SINH SỬ DỤNG BẰNG, CHỨNG
CHỈ QUỐC TẾ, KẾT QUẢ KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC; THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT
TUYỂN THĂNG VÀ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN

STT	Tên, nội dung biểu mẫu	Ký hiệu mẫu
1	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2024 (dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)	BM-01/TQT-XTCC
2	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2024 (dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL kết hợp kết quả học tập bậc THPT để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)	BM-02/TQT-XTCC
3	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2024 (dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL kết hợp kết quả thi Đánh giá năng lực của ĐHQGHN)	BM-03/TQT-XTCC
4	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2024 (dùng cho thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi SAT để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)	BM-04/ TQT-XTCC
5	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2024 (dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ quốc tế A-Level để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)	BM-05/ TQT-XTCC
6	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2024 (dùng cho thí sinh sử dụng kết quả thi Đánh giá năng lực của ĐHQGHN để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)	BM-06/TQT-XTT
7	Phiếu đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2024 (dùng cho thí sinh sử dụng kết quả thi Đánh giá năng lực của ĐHQGHCM để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)	BM-07/TQT-XTT
8	Phiếu đăng ký xét tuyển thặng và ưu tiên xét theo Quy chế đặc thù của ĐHQGHN	BM-08/TQT-XTT
9	Phiếu đăng ký xét tuyển thặng và ưu tiên xét theo Quy chế của Bộ GD&ĐT	BM-09/TQT-XTT

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi)

Ngày nhận:/...../.....

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ **tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL** kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): 2. Giới tính:
3. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... 4. Nơi sinh: (Tỉnh/TP).....
5. Dân tộc: 6. Email:

7. Thông tin CMND/thẻ CCCD:

Số CMND/CCCD:

Ngày cấp: Nơi cấp:

8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương (ghi rõ tên trường, tỉnh/TP):

Năm lớp 10: Năm lớp 11:

Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:.....

9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:

Tỉnh/Thành: Quận/Huyện/Thị xã: Xã/ Phường/Thị trấn:

B. KẾT QUẢ KỶ THI THPT NĂM 2024 VÀ KẾT QUẢ CHỨNG CHỈ IELTS/TOEFL

10. Môn 1 (Toán/Văn): 11. Môn 2 (.....):

Ghi chú: Thí sinh bổ sung thông tin khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024

12. Kết quả IELTS/TOEFL iBT..... 13. Ngày thi IELTS/TOEFL:...../...../.....

C. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

14. Ngành đăng ký xét tuyển tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN

Nguyên vọng 1: Ngành học 1: Mã xét tuyển:.....

Nguyên vọng 2: Ngành học 2: Mã xét tuyển:.....

D. CÁC TÀI LIỆU XÉT TUYỂN NỘP KÈM

Bản sao công chứng Chứng chỉ IELTS/TOEFL

Bản sao công chứng học bạ THPT của thí sinh

Bản sao CMND/CCCD

Ảnh chân dung 3x4cm

Bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT và Bản sao công chứng giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2024) hoặc bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2024) (nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HĐTS trước ngày .../.../2024 để **XÁC NHẬN NHẬP HỌC**)

Giấy tờ khác (nếu có):

E. THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA THÍ SINH VÀ NGƯỜI THÂN

15. Điện thoại của thí sinh:

16. Họ và tên người thân:..... 17. Quan hệ với thí sinh :

18. Điện thoại của người thân:.....

19. Địa chỉ:.....

Tôi cam đoan đã tìm hiểu kỹ thông tin về chương trình ĐKXT, cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD-ĐT, Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy của ĐHQGHN và của Trường Quốc tế năm 2024. Tôi cam đoan những thông tin khai trên là hoàn toàn chính xác. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

.....ngày tháng năm 2024

Thí sinh

(ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi)

Ngày nhận:/...../.....

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024

(dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ **tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL** kết hợp kết quả học tập bậc THPT để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): 2. Giới tính:
3. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... 4. Nơi sinh: (Tỉnh/TP).....
5. Dân tộc: 6. Email:
7. Thông tin CMND/thẻ CCCD:
Số CMND/CCCD:

Ngày cấp: Nơi cấp:

8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương (ghi rõ tên trường, tỉnh/TP):

Năm lớp 10: Năm lớp 11:

Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:.....

9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:

Tỉnh/Thành: Quận/Huyện/Thị xã: Xã/ Phường/Thị trấn:

B. KẾT QUẢ HỌC TẬP BẬC THPT VÀ KẾT QUẢ CHỨNG CHỈ IELTS/TOEFL

10. Điểm TBC 3 năm THPT môn 1 (Toán/Văn): 11. Điểm TBC 3 năm THPT môn 2 (.....):

12. Kết quả IELTS/TOEFL iBT..... 13. Ngày thi IELTS/TOEFL:...../...../.....

C. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

14. Ngành đăng ký xét tuyển tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN

Nguyện vọng 1: Ngành học 1: Mã xét tuyển:.....

Nguyện vọng 2: Ngành học 2: Mã xét tuyển:.....

D. CÁC TÀI LIỆU XÉT TUYỂN NỘP KÈM

Bản sao công chứng Chứng chỉ IELTS/TOEFL

Bản sao công chứng học bạ THPT của thí sinh

Bản sao CMND/CCCD

Ảnh chân dung 3x4cm

Bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT và Bản sao công chứng giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2024) hoặc bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2024) (nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HĐTS trước ngày .../.../2024 để **XÁC NHẬN NHẬP HỌC**)

Giấy tờ khác (nếu có):

E. THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA THÍ SINH VÀ NGƯỜI THÂN

15. Điện thoại của thí sinh:

16. Họ và tên người thân: 17. Quan hệ với thí sinh :

18. Điện thoại của người thân:

19. Địa chỉ:

Tôi cam đoan đã tìm hiểu kỹ thông tin về chương trình ĐKXT, cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD-ĐT, Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy của ĐHQGHN và của Trường Quốc tế năm 2024. Tôi cam đoan những thông tin khai trên là hoàn toàn chính xác. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

.....ngày tháng năm 2024

Thí sinh

(ký, ghi rõ họ và tên)

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi)

Ngày nhận:/...../.....

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024

(dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL kết hợp kết quả thi Đánh giá năng lực của ĐHQGHN để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): 2. Giới tính:

3. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... 4. Nơi sinh: (Tỉnh/TP).....

5. Dân tộc: 6. Email:

7. Thông tin CMND/thẻ CCCD:

Số CMND/CCCD:

Ngày cấp: Nơi cấp:

8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương (ghi rõ tên trường, tỉnh/TP):

Năm lớp 10: Năm lớp 11:

Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:.....

9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:

Tỉnh/Thành: Quận/Huyện/Thị xã: Xã/ Phường/Thị trấn:

B. KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VÀ KẾT QUẢ CHỨNG CHỈ IELTS/TOEFL

10. Kết quả thi Đánh giá năng lực của ĐHQGHN: 11. Ngày thi:

12. Kết quả IELTS/TOEFL iBT:..... 13. Ngày thi IELTS/TOEFL:...../...../.....

C. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

14. Ngành đăng ký xét tuyển tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN

Nguyện vọng 1: Ngành học 1: Mã xét tuyển:.....

Nguyện vọng 2: Ngành học 2: Mã xét tuyển:.....

D. CÁC TÀI LIỆU XÉT TUYỂN NỘP KÈM

Bản sao hợp lệ Chứng chỉ IELTS/TOEFL

Bản sao hợp lệ kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN

Bản sao hợp lệ học bạ THPT của thí sinh

Bản sao CMND/CCCD

Ảnh chân dung 3x4cm

Bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT và Bản sao công chứng giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2024) hoặc bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2024) (nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HĐTS trước ngày .../.../2024 để XÁC NHẬN NHẬP HỌC)

Giấy tờ khác (nếu có):

E. THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA THÍ SINH VÀ NGƯỜI THÂN

15. Điện thoại của thí sinh:

16. Họ và tên người thân:..... 17. Quan hệ với thí sinh :

18. Điện thoại của người thân:.....

19. Địa chỉ:.....

Tôi cam đoan đã tìm hiểu kỹ thông tin về chương trình ĐKXT, cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD-ĐT, Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy của ĐHQGHN và của Trường Quốc tế năm 2024. Tôi cam đoan những thông tin khai trên là hoàn toàn chính xác. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

....., ngày tháng năm 2024

Thí sinh

(ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi)

Ngày nhận:/...../.....

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024

(Dùng cho thí sinh sử dụng **kết quả kỳ thi SAT** để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): 2. Giới tính:

3. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... 4. Nơi sinh: (Tỉnh/TP).....

5. Dân tộc: 6. Email:

7. Thông tin CMND/thẻ CCCD:

Số CMND/CCCD:

Ngày cấp: Nơi cấp:

8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương (ghi rõ tên trường, tỉnh/TP):

Năm lớp 10: Năm lớp 11:

Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:.....

9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:

Tỉnh/Thành: Quận/Huyện/Thị xã: Xã/ Phường/Thị trấn:

B. KẾT QUẢ KỲ THI CHUẨN HÓA SAT (SCHOLASTIC ASSESSMENT TEST, HOA KỲ)

10. Năm thi:

11. Điểm thi:

C. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

12. Ngành đăng ký xét tuyển tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN

Nguyên vọng 1: Ngành học 1: Mã xét tuyển:.....

Nguyên vọng 2: Ngành học 2: Mã xét tuyển:.....

D. CÁC TÀI LIỆU XÉT TUYỂN NỘP KÈM

Bản sao công chứng Chứng nhận Kết quả kỳ thi SAT

Bản sao công chứng học bạ THPT của thí sinh

Bản sao CMND/CCCD

Ảnh chân dung 3x4cm

Bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT và Bản sao công chứng giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2024) hoặc bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2024) (nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HĐTS trước ngày/...../2024 để **XÁC NHẬN NHẬP HỌC**)

Giấy tờ khác (nếu có):

E. THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA THÍ SINH VÀ NGƯỜI THÂN

13. Điện thoại của thí sinh:

14. Họ và tên người thân: 15. Quan hệ với thí sinh :

16. Điện thoại của người thân:

17. Địa chỉ:

Tôi cam đoan đã tìm hiểu kỹ thông tin về chương trình ĐKXT, cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD-ĐT, Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy của ĐHQGHN và của Trường Quốc tế năm 2024. Tôi cam đoan những thông tin khai trên là hoàn toàn chính xác. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

....., ngày tháng năm 2024

Thí sinh

(ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi)

Ngày nhận:/...../.....

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024

(Dùng cho thí sinh sử dụng **chứng chỉ A-Level** để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): 2. Giới tính:

3. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... 4. Nơi sinh: (Tỉnh/TP).....

5. Dân tộc: 6. Email:

7. Thông tin CMND/thẻ CCCD:

Số CMND/CCCD:

Ngày cấp: Nơi cấp:

8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương (ghi rõ tên trường, tỉnh/TP):

Năm lớp 10: Năm lớp 11:

Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:.....

9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:

Tỉnh/Thành: Quận/Huyện/Thị xã: Xã/ Phường/Thị trấn:

B. KẾT QUẢ CHỨNG CHỈ A-LEVEL CỦA TRUNG TÂM KHẢO THÍ ĐẠI HỌC CAMBRIDGE

10. Năm thi:.....11. Tổ hợp các môn thi xét tuyển: (Kê khai điểm thi 3 môn tổ hợp theo khối ĐKXT)

Môn thi	Điểm thi	Tổng điểm
1) Toán	
2) Vật lý		
3) Hóa học		
4) Sinh học		
5) Ngữ văn		
6) Lịch sử		
7)		

C. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

12. Ngành đăng ký xét tuyển tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN

Nguyên vọng 1: Ngành học 1: Mã xét tuyển:.....

Nguyên vọng 2: Ngành học 2: Mã xét tuyển:.....

D. CÁC TÀI LIỆU XÉT TUYỂN NỘP KÈM

Bản sao công chứng Chứng nhận Kết quả A-Level

Bản sao công chứng học bạ THPT của thí sinh

Bản sao CMND/CCCD

Ảnh chân dung 3x4cm

Bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT và Bản sao công chứng giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2024) hoặc bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2024) (nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HĐTS trước ngày .../.../2024 để **XÁC NHẬN NHẬP HỌC**)

Giấy tờ khác (nếu có):

E. THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA THÍ SINH VÀ NGƯỜI THÂN

13. Điện thoại của thí sinh:

14. Họ và tên người thân:.....15. Quan hệ với thí sinh :

16. Điện thoại của người thân:.....

17.Địa chỉ:.....

Tôi cam đoan đã tìm hiểu kỹ thông tin về chương trình ĐKXT, cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD-ĐT, Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy của ĐHQGHN và của Trường Quốc tế năm 2024. Tôi cam đoan những thông tin khai trên là hoàn toàn chính xác. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

.....,ngày tháng năm 2024

Thí sinh
(ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi)

Ngày nhận:/...../.....

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024

(Dùng cho thí sinh sử dụng kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): 2. Giới tính:

3. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... 4. Nơi sinh: (Tỉnh/TP).....

5. Dân tộc: 6. Email:

7. Thông tin CMND/thẻ CCCD:

Số CMND/CCCD:

Ngày cấp: Nơi cấp:

8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương (ghi rõ tên trường, tỉnh/TP):

Năm lớp 10: Năm lớp 11:

Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:.....

9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:

Tỉnh/Thành: Quận/Huyện/Thị xã: Xã/ Phường/Thị trấn:

B. KẾT QUẢ KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

10. Năm thi:..... 11. Điểm thi:.....

Điều kiện phụ:

Điểm trung bình học kỳ 1 năm lớp 10 môn Tiếng Anh:

Điểm trung bình học kỳ 2 năm lớp 10 môn Tiếng Anh:

Điểm trung bình học kỳ 1 năm lớp 11 môn Tiếng Anh:

Điểm trung bình học kỳ 2 năm lớp 11 môn Tiếng Anh:

Điểm trung bình học kỳ 1 năm lớp 12 môn Tiếng Anh:

Điểm trung bình học kỳ 2 năm lớp 12 môn Tiếng Anh:

Hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024 môn Tiếng Anh :.....

Hoặc kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (theo quy định tại Phụ lục 4, Đề án tuyển sinh ĐHCQ năm 2024 của Trường Quốc tế) :, ngày thi:

C. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

12. Ngành đăng ký xét tuyển tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN

Nguyên vọng 1: Ngành học 1: Mã xét tuyển:.....

Nguyên vọng 2: Ngành học 2: Mã xét tuyển:.....

D. CÁC TÀI LIỆU XÉT TUYỂN NỘP KÈM

Bản sao công chứng Chứng nhận kết quả thi Đánh giá năng lực

Bản sao công chứng kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

Bản sao công chứng học bạ THPT của thí sinh

Bản sao CMND/CCCD

Ảnh chân dung 3x4cm

Bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT và Bản sao công chứng giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2024) hoặc bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2024) (nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HĐTS trước ngày .../.../2024 để XÁC NHẬN NHẬP HỌC)

Giấy tờ khác (nếu có):

E. THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA THÍ SINH VÀ NGƯỜI THÂN

13. Điện thoại của thí sinh:

14. Họ và tên người thân:.....15. Quan hệ với thí sinh :

16. Điện thoại của người thân:.....

17.Địa chỉ:.....

Tôi cam đoan đã tìm hiểu kỹ thông tin về chương trình ĐKXT, cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD-ĐT, Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy của ĐHQGHN và của Trường Quốc tế năm 2024. Tôi cam đoan những thông tin khai trên là hoàn toàn chính xác. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

.....ngày tháng năm 2024

Thí sinh

(ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi)

Ngày nhận:/...../.....

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024

(Dùng cho thí sinh sử dụng kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh để xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): 2. Giới tính:
3. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... 4. Nơi sinh: (Tỉnh/TP).....
5. Dân tộc: 6. Email:
7. Thông tin CMND/thẻ CCCD:
Số CMND/CCCD:
- Ngày cấp: Nơi cấp:
8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương (ghi rõ tên trường, tỉnh/TP):
Năm lớp 10: Năm lớp 11:
- Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:.....
9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:
Tỉnh/Thành: Quận/Huyện/Thị xã: Xã/ Phường/Thị trấn:

B. KẾT QUẢ KỶ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA ĐẠI HỌC QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

10. Năm thi:..... 11. Điểm thi:.....

Điều kiện phụ:

Điểm trung bình học kỳ 1 năm lớp 10 môn Tiếng Anh:

Điểm trung bình học kỳ 2 năm lớp 10 môn Tiếng Anh:

Điểm trung bình học kỳ 1 năm lớp 11 môn Tiếng Anh:

Điểm trung bình học kỳ 2 năm lớp 11 môn Tiếng Anh:

Điểm trung bình học kỳ 1 năm lớp 12 môn Tiếng Anh:

Điểm trung bình học kỳ 2 năm lớp 12 môn Tiếng Anh:

Hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024 môn Tiếng Anh :.....

Hoặc kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (theo quy định tại Phụ lục 4, Đề án tuyển sinh ĐHCQ năm 2024 của Trường Quốc tế) :, ngày thi:

C. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

12. Ngành đăng ký xét tuyển tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN

Nguyên vọng 1: Ngành học 1: Mã xét tuyển:.....

Nguyên vọng 2: Ngành học 2: Mã xét tuyển:.....

D. CÁC TÀI LIỆU XÉT TUYỂN NỘP KÈM

Bản sao công chứng Chứng nhận kết quả thi Đánh giá năng lực

Bản sao công chứng kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

Bản sao công chứng học bạ THPT của thí sinh

Bản sao CMND/CCCD

Ảnh chân dung 3x4cm

Bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT và Bản sao công chứng giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2024) hoặc bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2024) (nộp trực tiếp hoặc chuyển phát bảo đảm tới HĐTS trước ngày .../.../2024 để **XÁC NHẬN NHẬP HỌC**)

Giấy tờ khác (nếu có):

E. THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA THÍ SINH VÀ NGƯỜI THÂN

13. Điện thoại của thí sinh:

14. Họ và tên người thân:..... 15. Quan hệ với thí sinh :

16. Điện thoại của người thân:.....

17.Địa chỉ:.....

Tôi cam đoan đã tìm hiểu kỹ thông tin về chương trình ĐKXT, cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD-ĐT, Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy của ĐHQGHN và của Trường Quốc tế năm 2024. Tôi cam đoan những thông tin khai trên là hoàn toàn chính xác. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

....., ngày tháng năm 2024

Thí sinh

(ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi)

Ngày nhận:/...../.....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
THEO QUY ĐỊNH CỦA ĐHQGHN**

(căn cứ Quyết định số 4412/QĐ-ĐHQGHN ngày 31/12/2021 về việc ban hành Quy định cơ chế đặc thù trong tuyển sinh và đào tạo liên thông bậc THPT và bậc đại học tại ĐHQGHN)

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): 2. Giới tính:

3. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... 4. Nơi sinh: (Tỉnh/TP).....

5. Dân tộc: 6. Email:

7. Thông tin CMND/thẻ CCCD:

Số CMND/CCCD:

Ngày cấp: Nơi cấp:

8. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học trung học phổ thông (THPT):

Tỉnh/Thành: Quận/Huyện/Thị xã: Xã/Phường/Thị trấn/:

9. Thông tin về quá trình học tập tại trường THPT

9.1. Nơi học THPT hoặc tương đương

- Năm lớp 10: Năm lớp 11:

- Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:.....

- Tên môn/lớp/khối chuyên:

9.2. Điểm trung bình chung (TBC) và hạnh kiểm bậc THPT

- Điểm TBC năm lớp 10: Hạnh kiểm:

- Điểm TBC năm lớp 11: Hạnh kiểm:

- Điểm TBC năm lớp 12: Hạnh kiểm:

10. Thành tích học tập (liệt kê giải thưởng/huy chương, thành viên chính thức của đội tuyển):

11. Thông tin trường/ngành học đăng ký xét tuyển thăng/ưu tiên xét tuyển (xếp theo thứ tự ưu tiên)

Thứ tự ưu tiên	Mã xét tuyển	Tên ngành
1		
2		
3		
4		
...		

12. Thông tin liên lạc của thí sinh và của người thân

12.1. Điện thoại của thí sinh:

12.2. Họ và tên người thân:..... 12.3. Quan hệ với thí sinh :

12.4. Điện thoại của người thân:.....

12.5.Địa chỉ:.....

Tôi cam đoan đã tìm hiểu kỹ thông tin về chương trình ĐKXT, cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD-ĐT, Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy của ĐHQGHN và của Trường Quốc tế năm 2024. Tôi cam đoan những thông tin khai trên là hoàn toàn chính xác. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ đúng sự thật và
là học sinh lớp 12 hệ chuyên
Trường.....

....., ngày..... tháng.....năm 2024

Thí sinh
(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....
BAN GIÁM HIỆU NHÀ TRƯỜNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

1. Thí sinh nộp Phiếu ĐKXT và hồ sơ gồm bản sao học bạ tính đến thời điểm ĐKXT, bản sao giấy chứng nhận đoạt giải, bản sao CCCD, ảnh chân dung cỡ 3x4cm qua hệ thống xét tuyển trực tuyến của Trường Quốc tế.
2. Nếu trúng tuyển, thí sinh nộp bản sao công chứng học bạ (kèm bản chính học bạ để kiểm tra, đối chiếu), bản chính bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và bản chính giấy chứng nhận đoạt giải tới HĐTS Trường Quốc tế để **XÁC NHẬN NHẬP HỌC** vào Trường Quốc tế.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi)

Ngày nhận:/...../.....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẮNG VÀ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

(căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học)

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): **2. Giới tính:**

3. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... **4. Nơi sinh:**(Tỉnh/TP).....

5. Dân tộc: **6. Email:**

7. Thông tin CMND/thẻ CCCD:

Số CMND/CCCD:

Ngày cấp: Nơi cấp:

8. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học trung học phổ thông (THPT):

Tỉnh/Thành: Quận/Huyện/Thị xã: Xã/Phường/Thị trấn/:

9. Thông tin về quá trình học tập tại trường THPT

9.1. Nơi học THPT hoặc tương đương

- Năm lớp 10: Năm lớp 11:

- Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:.....

9.2. Học lực và hạnh kiểm bậc THPT

- Học lực năm lớp 10: Hạnh kiểm:

- Học lực năm lớp 11: Hạnh kiểm:

- Học lực năm lớp 12:..... Hạnh kiểm:

10. Thành tích học tập (liệt kê giải thưởng/huy chương, thành viên chính thức của đội tuyển):

11. Thông tin trường/ngành học đăng ký xét tuyển thắng/ưu tiên xét tuyển (xếp theo thứ tự ưu tiên)

Thứ tự ưu tiên	Mã xét tuyển	Tên ngành
1		
2		
3		
4		
...		

12. Thông tin liên lạc của thí sinh và của người thân

12.1. Điện thoại của thí sinh:

12.2. Họ và tên người thân:..... 12.3. Quan hệ với thí sinh :

12.4. Điện thoại của người thân:.....

12.5.Địa chỉ:.....

Tôi cam đoan đã tìm hiểu kỹ thông tin về chương trình ĐKXT, cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD-ĐT, Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy của ĐHQGHN và của Trường Quốc tế năm 2024. Tôi cam đoan những thông tin khai trên là hoàn toàn chính xác. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

....., ngày..... tháng.....năm 2024

Thí sinh

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

1. Thí sinh nộp Phiếu ĐKXT và hồ sơ gồm bản sao học bạ tính đến thời điểm ĐKXT, bản sao giấy chứng nhận đoạt giải, bản sao CCCD, ảnh chân dung cỡ 3x4cm qua hệ thống xét tuyển trực tuyến của Trường Quốc tế.
2. Nếu trúng tuyển, thí sinh nộp bản sao công chứng học bạ (kèm bản chính học bạ để kiểm tra, đối chiếu), bản chính bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và bản chính giấy chứng nhận đoạt giải tới HĐTS Trường Quốc tế để **XÁC NHẬN NHẬP HỌC** vào Trường Quốc tế.

PHỤ LỤC 3
DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG CHUYÊN ĐƯỢC XÉT TUYỂN THĂNG HOẶC ƯU TIÊN
XÉT TUYỂN VÀO TRƯỜNG QUỐC TẾ - ĐHQGHN NĂM 2024

1. Các THPT chuyên, năng khiếu trực thuộc đại học

STT	Tên trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Thành phố/Thị xã
1	THPT chuyên Đại học Sư phạm Hà Nội	Hà Nội	Quận Cầu Giấy
2	THPT chuyên Khoa học Xã hội và Nhân văn – Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội	Hà Nội	Quận Thanh Xuân
3	THPT chuyên Khoa học Tự nhiên – Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	Hà Nội	Quận Thanh Xuân
4	THPT chuyên Ngoại ngữ - Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội	Hà Nội	Quận Cầu Giấy
5	THPT chuyên Đại học Vinh	Nghệ An	TP Vinh
6	THPT chuyên Đại học Khoa học, Đại học Huế	Thừa Thiên - Huế	TP Huế
7	Phổ thông Năng khiếu, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Quận 5
8	Trung học thực hành, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Quận 5
9	THPT Năng khiếu, Đại học Tân Tạo	Long An	Huyện Đức Hòa

2. Các THPT chuyên, năng khiếu trực thuộc tỉnh/thành phố

STT	Tên trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Thành phố/Thị xã
1	THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam	Hà Nội	Quận Cầu Giấy
2	THPT chuyên Nguyễn Huệ	Hà Nội	Quận Hà Đông
3	THPT Chu Văn An	Hà Nội	Quận Tây Hồ
4	THPT Sơn Tây	Hà Nội	Thị xã Sơn Tây
5	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Hồ Chí Minh	Quận 5
6	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Hồ Chí Minh	Quận 1
7	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình
8	THPT Gia Định	Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh
9	THPT chuyên Trần Phú	Hải Phòng	Quận Ngô Quyền

STT	Tên trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Thành phố/Thị xã
10	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	Quận Sơn Trà
11	THPT chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	Quận Bình Thủy
12	THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	TP Long Xuyên
13	THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	TP Châu Đốc
14	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng Tàu	TP Vũng Tàu
15	THPT chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	TP Bạc Liêu
16	THPT chuyên Bắc Giang	Bắc Giang	TP Bắc Giang
17	THPT chuyên Bắc Kạn	Bắc Kạn	TP Bắc Kạn
18	THPT chuyên Bắc Ninh	Bắc Ninh	TP Bắc Ninh
19	THPT chuyên Bến Tre	Bến Tre	TP Bến Tre
20	THPT chuyên Hùng Vương	Bình Dương	TP Thủ Dầu Một
21	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	TP Quy Nhơn
22	THPT chuyên Quang Trung	Bình Phước	Thị xã Đồng Xoài
23	THPT chuyên Bình Long	Bình Phước	Thị xã Bình Long
24	THPT chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	TP Phan Thiết
25	THPT chuyên Phan Ngọc Hiến	Cà Mau	TP Cà Mau
26	THPT chuyên Cao Bằng	Cao Bằng	TP Cao Bằng
27	THPT chuyên Nguyễn Du	Đắk Lắk	TP Buôn Ma Thuột
28	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đắk Nông	Thị xã Gia Nghĩa
29	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Điện Biên	TP Điện Biên Phủ
30	THPT chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	TP Biên Hòa
31	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	TP Cao Lãnh
32	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	TP Sa Đéc
33	THPT chuyên Hùng Vương	Gia Lai	TP Pleiku
34	THPT chuyên Hà Giang	Hà Giang	TP Hà Giang
35	THPT chuyên Biên Hòa	Hà Nam	TP Phú Lý
36	THPT chuyên Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	TP Hà Tĩnh
37	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Hải Dương	TP Hải Dương
38	THPT chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	TP Vị Thanh
39	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ	Hòa Bình	TP Hoà Bình
40	THPT chuyên Hưng Yên	Hưng Yên	TP Hưng Yên
41	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	TP Nha Trang

STT	Tên trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Thành phố/Thị xã
42	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	TP Rạch Giá
43	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	TP Kon Tum
44	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Lai Châu	TP Lai Châu
45	THPT chuyên Chu Văn An	Lạng Sơn	TP Lạng Sơn
46	THPT chuyên Lào Cai	Lào Cai	TP Lào Cai
47	THPT chuyên Thăng Long Đà Lạt	Lâm Đồng	TP Đà Lạt
48	THPT chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	TP Bảo Lộc
49	THPT chuyên Long An	Long An	TP Tân An
50	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nam Định	TP Nam Định
51	THPT chuyên Phan Bội Châu	Nghệ An	TP Vinh
52	THPT chuyên Lương Văn Tụy	Ninh Bình	TP Ninh Bình
53	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	TP Phan Rang - Tháp Chàm
54	THPT chuyên Hùng Vương	Phú Thọ	TP Việt Trì
55	THPT chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	TP Tuy Hòa
56	THPT chuyên Võ Nguyên Giáp	Quảng Bình	TP Đồng Hới
57	THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	TP Hội An
58	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Quảng Nam	TP Tam Kỳ
59	THPT chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi
60	THPT chuyên Hạ Long	Quảng Ninh	TP Hạ Long
61	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Quảng Trị	TP Đông Hà
62	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	TP Sóc Trăng
63	THPT chuyên Sơn La	Sơn La	TP Sơn La
64	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	TP Tây Ninh
65	THPT chuyên Thái Bình	Thái Bình	TP Thái Bình
66	THPT chuyên Thái Nguyên	Thái Nguyên	TP Thái Nguyên
67	THPT chuyên Lam Sơn	Thanh Hóa	TP Thanh Hóa
68	THPT chuyên Quốc Học	Thừa Thiên - Huế	TP Huế
69	THPT chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	TP Mỹ Tho
70	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	TP Trà Vinh
71	THPT chuyên Tuyên Quang	Tuyên Quang	TP Tuyên Quang
72	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Vĩnh Long	TP Vĩnh Long

STT	Tên trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Thành phố/Thị xã
73	THPT chuyên Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	TP Vĩnh Yên
74	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	Yên Bái	TP Yên Bái

Danh sách gồm 83 trường ./.

Ghi chú: Chỉ những học sinh hệ chuyên tại 83 trường THPT trong danh sách trên được đăng ký xét tuyển thẳng hoặc ưu tiên xét tuyển vào Trường Quốc tế - ĐHQGHN năm 2024 theo quy định tại mục 5.1 của Đề án tuyển sinh đại học chính quy Trường Quốc tế năm 2024.

PHỤ LỤC 4

DANH MỤC CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ MIỄN BÀI THI NGOẠI NGỮ TRONG XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

(theo Thông tư số 02/2024/TT-BGDĐT ngày 06/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Môn Ngoại ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu	Đơn vị cấp chứng chỉ
Tiếng Anh	- TOEFL ITP 450 điểm - TOEFL iBT 45 điểm - TOEIC (4 kỹ năng): Nghe: 275; Đọc: 275; Nói: 120; Viết: 120	Educational Testing Service (ETS)
	IELTS 4.0 điểm	British Council (BC); International Development Program (IDP)
	Aptis ESOL B1	British Council (BC)
	Pearson English International Certificate (PEIC) Level 2	Pearson
	Chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam Bậc 3	Các đơn vị tổ chức thi theo quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hiện hành

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG QUỐC TẾ

BẢNG ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024

(Kèm theo công văn số /TQT-ĐT ngày tháng năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Quốc tế)

STT	ĐIỀU, KHOẢN, MỤC	NỘI DUNG THEO CÔNG VĂN SỐ 323/TQT-ĐT NGÀY 19/3/2024	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
1	Mục 3.2.1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD-ĐT và quy định của ĐHQGHN	<p>* Lưu ý :</p> <p>- Ngoài các tiêu chí quy định cho từng đối tượng nêu trên, thí sinh cần có kết quả môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 đạt tối thiểu 6,0 điểm theo thang điểm 10 hoặc có kết quả học tập từng kỳ (6 học kỳ) môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) bậc THPT đạt tối thiểu 7,0 điểm hoặc sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành ; ...</p>	<p>* Lưu ý :</p> <p>- Ngoài các tiêu chí quy định cho từng đối tượng nêu trên, thí sinh cần có kết quả môn tiếng Anh của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 đạt tối thiểu 6,0 điểm theo thang điểm 10 hoặc có kết quả học tập từng kỳ (6 học kỳ) môn tiếng Anh bậc THPT đạt tối thiểu 7,0 điểm hoặc sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành ; ...</p>	Nâng cao chất lượng đầu vào tiếng Anh đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức này.
2	Mục 3.2.3. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá	Thí sinh sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực học sinh THPT (ĐGNL) còn thời hạn do ĐHQGHN tổ chức đạt điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy định của ĐHQGHN và có kết quả môn Ngoại ngữ (tiếng	Thí sinh sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực học sinh THPT (ĐGNL) còn thời hạn do ĐHQGHN tổ chức đạt điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy định của ĐHQGHN và có kết quả môn tiếng Anh của kỳ thi tốt nghiệp	Nâng cao chất lượng đầu vào tiếng Anh đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức này.

STT	ĐIỀU, KHOẢN, MỤC	NỘI DUNG THEO CÔNG VĂN SỐ 323/TQT-ĐT NGÀY 19/3/2024	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
	năng lực của ĐHQGHN	Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 đạt tối thiểu 6,0 điểm theo thang điểm 10 hoặc có kết quả học tập từng kỳ (6 học kỳ) môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) bậc THPT đạt tối thiểu 7,0 điểm hoặc sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành.	THPT năm 2024 đạt tối thiểu 6,0 điểm theo thang điểm 10 hoặc có kết quả học tập từng kỳ (6 học kỳ) môn tiếng Anh bậc THPT đạt tối thiểu 7,0 điểm hoặc sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành.	
3	Mục 3.2.5.1. Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG- HCM	Thí sinh có kết quả thi ĐGNL còn thời hạn của ĐHQG-HCM đạt tối thiểu 750/1.200 điểm, và có kết quả môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 đạt tối thiểu 6,0 điểm theo thang điểm 10 hoặc có kết quả học tập từng kỳ (6 học kỳ) môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) bậc THPT đạt tối thiểu 7,0 điểm hoặc sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành	Thí sinh có kết quả thi ĐGNL còn thời hạn của ĐHQG-HCM đạt tối thiểu 750/1.200 điểm, và có kết quả môn tiếng Anh của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 đạt tối thiểu 6,0 điểm theo thang điểm 10 hoặc có kết quả học tập từng kỳ (6 học kỳ) môn tiếng Anh bậc THPT đạt tối thiểu 7,0 điểm hoặc sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành	Nâng cao chất lượng đầu vào tiếng Anh đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức này.

STT	ĐIỀU, KHOẢN, MỤC	NỘI DUNG THEO CÔNG VĂN SỐ 323/TQT-ĐT NGÀY 19/3/2024	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
4	Mục 5	<p>Điều kiện phụ: Điểm môn chính nhân hệ số 2. Đối với tất cả các tổ hợp xét tuyển, thí sinh phải đạt điểm thi tốt nghiệp THPT (năm 2024) môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) tối thiểu 6 điểm (theo thang điểm 10), trừ đối tượng được miễn thi môn này.</p>	<p>Điều kiện phụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm môn chính nhân hệ số 2; - Đối với các ngành Kinh doanh quốc tế, ngành Kế toán phân tích và Kiểm toán, ngành Hệ thống thông tin quản lý, ngành Tin học và Kỹ thuật máy tính, ngành Phân tích dữ liệu kinh doanh, ngành Marketing, ngành Quản lý, ngành Ngôn ngữ Anh, thí sinh phải đạt điểm thi tốt nghiệp THPT (năm 2024) môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) tối thiểu 6 điểm (theo thang điểm 10), trừ đối tượng được miễn thi môn này. - Đối với các ngành Tự động hóa và Tin học, ngành Công nghệ thông tin ứng dụng, ngành Công nghệ tài chính và kinh doanh số, ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics, thí sinh phải đạt điểm thi tốt nghiệp THPT (năm 2024) môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) tối thiểu 5 điểm (theo thang điểm 10), trừ đối tượng được miễn thi môn này. 	<p>Giảm điều kiện phụ môn Ngoại ngữ cho thí sinh đăng ký 04 ngành: Tự động hóa và Tin học; Công nghệ thông tin ứng dụng; Công nghệ tài chính và kinh doanh số; Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics là các ngành có đào tạo một số học phần bằng tiếng Việt.</p>